

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 87, Chúa Nhật 22.02.2009

MỤC LỤC

Những Nguyên Tắc Tổng Quát Để Canh Tân Và Cổ Võ Phụng Vụ Thánh (tt) Vatican 2

ĐỔ MỒ HÔI – SÔI NƯỚC MẮT Lm. Lê Quang Uy, DCCT VN

ĐỂ CHUẨN BỊ CHO NỀN GIÁO DỤC CÔNG GIÁO Gioan Lê Quang Vinh

NĂM THÁNH THÁI HÀ: “NHỚ THẦY MARCEL NGUYỄN TẤN VĂN – CHỨNG NHÂN SỰ THẬT” An Dân

Dâu trăm họ Lm. Anmai, C.Ss.R.

HÃY ĐẶT CHÚNG TRONG CÙNG MỘT CON TÀU Lm. Lê Văn Quảng

VÌ DANH THẦY Nhà văn Xuân Vũ Trần Đình Ngọc

ĐỂ CON THEO Ý MUỐN (HAY LÀ SÁT NHÂN) Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, M.D.

BÊN CẦU BIÊN GIỚI Nhà văn Quyên Di

NGƯỜI NỮ TU SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN (tt) Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

NƯỚC NGỌT CÓ GAS Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

NHỚ AI...? (2) Chuyện phiếm của Gã Siêu

Những Nguyên Tắc Tổng Quát Để Canh Tân Và Cổ Võ Phụng Vụ Thánh (tiếp theo)

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X
Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Lời Mở Đầu

Chương I

Những Nguyên Tắc Tổng Quát Để Canh Tân Và Cổ Võ Phụng Vụ Thánh

IV. Việc Cổ Võ Đời Sống Phụng Vụ Trong Giáo Phận Và Trong Giáo Xứ

41. Hiệp thông với giám mục giáo phận. Giám Mục phải được xem như thượng tế của đoàn chiên Ngài; có thể nói rằng sự sống nơi các tín hữu của Ngài trong Chúa Kitô cũng phát xuất từ Ngài và lệ thuộc Ngài.

Vì vậy, mọi người phải hết sức mến chuộng đời sống phụng vụ của giáo phận chung

quanh Giám Mục, nhất là tại nhà thờ chánh tòa: họ phải xác tín rằng Giáo Hội được đặc biệt biểu lộ khi toàn thể dân thánh Chúa tham dự trọn vẹn và linh động vào những cử hành Phụng Vụ, đặc biệt trong cùng một Lễ Tạ Ơn, trong một lời nguyện duy nhất, ở đó Giám Mục chủ tọa giữa linh mục đoàn và các thừa tác viên bao quanh Ngài ³⁵.

42. Đời sống phụng vụ của giáo xứ. Vì chính Giám Mục không thể đích thân hiện diện mọi nơi mọi lúc trong toàn thể đoàn chiên thuộc Giáo Hội Ngài, nên cần phải thiết lập các cộng đoàn tín hữu. Trong đó, nổi bật hơn cả là các giáo xứ được thiết lập tại địa phương dưới quyền một mục tử thay mặt Đức Giám Mục: bởi vì một cách nào đó, các giáo xứ phản ánh Giáo Hội hữu hình đã được thiết lập trên toàn cõi trái đất.

Vì thế phải cổ vũ đời sống phụng vụ của giáo xứ và mối liên hệ giữa đời sống ấy với Giám Mục trong tâm trí cũng như trong hành vi của các tín hữu và của hàng giáo sĩ; còn phải ra sức làm triển nở ý thức cộng đoàn giáo xứ, nhất là trong việc cử hành Thánh Lễ cộng đồng ngày Chúa Nhật.

V. Việc Phát Huy Hoạt Động Về Mục Vụ Phụng Vụ

43. Canh tân Phụng Vụ Thánh. Lòng nhiệt thành cổ xúy và canh tân Phụng Vụ Thánh đáng được xem như một dấu chỉ của các ý định quan phòng của Thiên Chúa trên thời đại chúng ta, và như cuộc viếng thăm của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội; sự kiện này còn là một đặc điểm nổi bật của đời sống Giáo Hội, cũng như của mọi cách thể suy tư và hoạt động đầy tinh thần đạo giáo của thời đại chúng ta.

Vì thế, để cổ vũ hoạt động về mục vụ phụng vụ tiến xa hơn trong Giáo Hội, Thánh Công Đồng quyết định:

44. Ủy ban phụng vụ toàn quốc. Thẩm Quyền Giáo Hội địa phương, như đã bàn trong khoản 22-2, nên thiết lập một ủy ban phụng vụ với sự trợ lực chuyên môn của các chuyên gia về khoa phụng vụ, Âm Nhạc, Nghệ Thuật Thánh, cũng như mục vụ. Nếu có thể, ủy ban này phải được một viện Mục Vụ Phụng Vụ nào đó giúp đỡ. Viện này gồm nhiều thành phần, và nếu cần kể cả giáo dân xuất sắc trong lãnh vực đó. Dưới sự hướng dẫn của Giáo Hội địa phương, như đã nói trên, chính ủy ban này sẽ phải điều hành hoạt động về mục vụ phụng vụ trong phạm vi quyền hạn mình, cũng như phải phát huy các cuộc nghiên cứu và thí nghiệm cần thiết mỗi khi phải đệ trình những việc thích nghi lên Tông Tòa.

45. Ủy ban phụng vụ giáo phận. Cũng vậy, trong mỗi giáo phận phải có một Ủy Ban Phụng Vụ Thánh để phát huy hoạt động phụng vụ, dưới quyền điều khiển của Giám Mục.

Hơn nữa, đôi khi cũng là việc chính đáng nếu nhiều giáo phận phối hợp với nhau thiết lập một Ủy Ban duy nhất để cùng hội ý phát triển Phụng Vụ.

46. Các ủy ban khác. Ngoài Ủy Ban Phụng Vụ Thánh, trong mỗi giáo phận, khi có thể, cũng phải thiết lập các Ủy Ban Thánh Nhạc và Nghệ Thuật Thánh.

Ba Ủy Ban này cần phải hiệp lực với nhau làm việc, và nếu liên kết thành một Ủy Ban duy nhất cũng là điều thích hợp.

Chú Thích:

35 Xem T. Ignatiô Antiokia, Ad Magn. 7; Ad Philm. 4: Ad Smyrn. 8 : x.b. F.X. Funk, đã trích dẫn, I, trg 236, 266, 281.

VỀ MỤC LỤC

ĐỒ MỒ HÔI – SÔI NƯỚC MẮT

Quý độc giả **Ephata và Giáo Sĩ Việt Nam** thân mến,

Liên Hiệp Quốc cho biết từ năm 2007 có khoảng 190 triệu người ở các nước lâm cảnh thất nghiệp. Nghe mà rùng mình vì con số quá lớn. Vậy mà chỉ từ đầu 2009 đến nay, vòn vện chưa đầy hai tháng, con số vọt lên thêm 20 triệu nữa (x. www.suckhoedoisong.vn). Suy thoái kinh tế như thế này không khéo lại thành ra khủng hoảng như hồi thập niên 30 thế kỷ trước. Thật khổ !

Đài BBC cho biết: Hiệp Hội Làng Nghề Việt Nam dự đoán cả năm nay có khả năng 5 triệu người mất việc làm. Nếu thật việc thì kinh khủng lắm. Lại sợ "truyền thống" về truyền thông bên mình, cái gì tốt thì phải trừ hao, còn cái gì xấu thì phải cộng thêm, theo kiểu "tốt khoe – xấu che", nếu thế thì con số sẽ còn cao hơn nhiều. Người ta bảo con số lạnh lùng, nhưng con số nó biết nói, nó nói một cách lạnh lùng !

Việt Nam mình bảo "đổ mồ hôi, sôi nước mắt" bây giờ muốn "đổ mồ hôi" cũng chẳng được, chỉ còn biết "sôi nước mắt". Hà Nội và Sài-gòn, nhất là Sài-gòn, từ lâu đã trở thành lưỡng cực thu hút hàng chục vạn lao động miền nông thôn.

Những người khăn gói đùm đề từ quê ra thành phố luôn ôm một giấc mơ đổi đời. Ở quê đất cằn khô sỏi đá, lại là mảnh đất "lắm người nhiều ma" (người sinh ra ngày càng đông, lại chịu thêm cảnh "ma" cán bộ lộng hành tham nhũng, hà hiếp dân lành), không thể cứ bám vào đấy mà sống được, lớp trẻ kéo đi gần hết, làng chỉ còn ông già bà cả và con nít. Giấc mơ của họ giống giống cái "American Dream" của những người di dân nhập cư vào Mỹ đầu và giữa thế kỷ 20. Nghĩa là họ tin rằng chỉ cần lao động cần cù, "đổ mồ hôi – sôi nước mắt", cộng với những cơ may của cuộc sống, họ có thể thoát nghèo, an cư, lạc nghiệp...

Của đáng tội, lao động cần cù lắm, "đổ mồ hôi – sôi nước mắt" nhiều lắm, nhưng cơ may thì không, ở bên mình, người mình tội nghiệp quá, toàn gặp khốn khổ. Công nhân làm ở các xí nghiệp, công ty nước ngoài đầu tư, Nhà Nước bỏ giá lao động thấp nhất khu vực, gần như "cho không biếu không" để thu hút vốn của mấy tay tư bản Hàn Quốc, HongKong, Đài Loan, Singapore, Malaysia, kể cả tư bản đỏ Trung Quốc. Hồi xưa mình chửi tư bản bóc lột nhân dân, bây giờ mình lại trải thảm đón họ vào, lại còn hãnh diện báo cáo thành tích như một công trình "xóa đói giảm nghèo" cấp quốc gia !

Đáng buồn hơn, khi người công nhân Xa Quê thấy không sống nổi với đồng lương rẻ mạt, lại bị tăng ca vô tội vạ, chính sách chế độ lem nhem lập lờ, cuối năm còn bị quít lương, họ tổ chức đình công đấu tranh, thì chính công đoàn đáng lẽ phải bên vực họ, đứng một phía với họ, lại trở thành kẻ quát tháo đe nẹt sẽ sa thải, hoặc thay mặt chủ đầu tư nước ngoài để cò kè mặc cả hầu làm giảm sức nóng quần chúng. Đã vậy, bộ luật lao động của Nhà Nước lại như thể tìm mọi cách để dập tắt những cuộc bãi công, xếp những người công nhân nghèo ấy vào loại "vi phạm pháp luật", thậm chí những người lãnh đạo đình công còn bị nghi ngờ và chụp mũ là "bọn xấu", "phản cách mạng", "âm mưu diễn tiến hòa bình" trong giới công nhân như bên Ba Lan dạo nào đưa đến xập cả một Đông Âu Cộng Sản.

Về phía người công nhân, vốn dĩ chỉ "tức nước vỡ bờ" vậy thôi, đến khi được hứa hẹn, được tăng lương lên mấy phần trăm thôi, họ không tính toán thiệt hơn chi nữa, tắt ngúm cuộc đấu tranh, tiếp tục "đổ mồ hôi – sôi nước mắt" để lao động mưu sinh, dẫu trong lòng dư biết mình vẫn bị bóc lột tàn tệ. Cuộc đấu tranh của họ, thương quá, tội quá, đã dừng lại ở bát cơm tấm áo và viên thuốc chữa bệnh, chưa và không thể vươn tới ý nghĩa là một cuộc đấu tranh cho công bằng và dân chủ.

Mục Vụ Hội Thánh mình ở Việt Nam quen gọi họ là "người Di Dân", nhưng anh em trong Dòng Chúng tôi lại muốn dùng cách nói là "người Xa Quê". Nghe đỡ tủi hơn, mà có lẽ phần nào đúng nghĩa hơn, bởi họ không hề muốn bỏ hẳn quê hương mà đi, Tết nhất, giỗ chạp, cưới hỏi, ma chay họ vẫn về lại đất tổ nhà cha đấy chứ ! Tên gọi "Di Dân" dành cho những người lao động xuất khẩu sang các nước Malaysia, Hàn Quốc, Đài Loan, đảo Chypre, Ả Rập, thật ra cũng không đúng luôn, vì hết hạn thì những bạn trẻ tẻ tơi ấy vẫn mau mau xin về Việt Nam ngay. Do vậy có lẽ chỉ còn một số khá đông những người mình lưu cư phiêu bạt sang Nga, Tiệp, Ba Lan, Đức, lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, buôn bán chạy chợ, mới đúng là "Di Dân" chăng ?

Trở lại với chuyện ở Việt Nam, cho tới nay các Giáo Phận đã có cố gắng rất nhiều để giúp cho "người Xa Quê", nhưng phải khiêm tốn mà thú nhận rằng, chúng ta vẫn chỉ mới làm được một phần nhỏ xíu về mặt bác ái tương trợ. Về mặt từ thiện xã hội thì có: khám bệnh phát thuốc miễn phí, mở nhà giữ trẻ cho bố mẹ đi làm, giới thiệu nhà trọ giá rẻ, tư vấn sức khỏe sinh sản, hướng dẫn ngừa thai tự nhiên để không bị rơi vào tệ nạn nạo phá thai, đến Noel và Tết thì có thêm những phần quà... Về mặt tinh thần tâm linh thì: mở thêm Thánh Lễ với các kỳ đại hội, hành hương, tĩnh tâm cho người Xa Quê, mở các lớp Giáo Lý Dự Tòng, Giáo Lý Hôn Nhân, lớp xóa mù chữ, lớp bổ túc văn hóa...

Làm được thể cũng hết sức, hết tiền, hết ngày hết giờ rồi ! Thế nhưng thật ra, Hội Thánh còn có một sứ mạng lớn hơn thế nhiều. Mục Vụ dành cho người Xa Quê sâu xa hơn và... Tin Mừng hơn nhiều lắm. Đọc lại Học Thuyết Xã Hội Công Giáo, chúng ta mới thấy các quyền của người lao động được Hội Thánh xác định dựa trên bản tính và phẩm giá siêu việt của con người. Hội Thánh tuyên cáo và đặt thẳng lên bàn bureau của hệ thống tư pháp của Nhà Nước, đòi một sự nhìn nhận, một chế độ chăm sóc đàng hoàng tử tế đối với các quyền sau đây (x. chương 6, Lao động của con người, Học Thuyết Xã Hội Công Giáo, trang 191 – 230):

- Quyền được hưởng lương công bằng và được phân chia lợi tức;
- Quyền được nghỉ ngơi;
- Quyền có được môi trường làm việc và với những quá trình sản xuất không làm hại tới sức khỏe thể lý hay đời sống luân lý của người lao động;
- Quyền được bảo vệ nhân cách của mình tại nơi làm việc mà không phải chịu một thương tổn nào đối với lương tâm hay phẩm giá của mình;
- Quyền được hưởng những trợ cấp thích đáng cần thiết để nuôi sống gia đình và nuôi sống mình khi thất nghiệp;
- Quyền được hưởng trợ cấp và bảo hiểm khi về già, bệnh tật và bị tai nạn lao động;
- Quyền được an toàn về mặt xã hội khi làm mẹ;
- Quyền được hội họp và lập hội.

Giáo huấn xã hội của Hội Thánh chúng ta còn thẳng thắn nhìn nhận sự chính đáng của việc đình công. Một khi các cách thể khác để giải quyết tranh chấp đã vô hiệu thì người lao động được quyền đình công như một "tối hậu thư" để gây áp lực trên giới chủ, Nhà Nước và công luận, dứt khoát không được sử dụng bạo lực trong khi đình công mà tất cả phải luôn diễn ra trong đối thoại và ôn hòa.

Ấy là chuyện dành cho người lao động bình thường nói chung. Nếu lại là người lao động Xa Quê nhập cư vào một địa phương nào đấy thì họ còn phải được quan tâm nhiều hơn, sâu hơn, ưu đãi hơn, bởi họ chính là nguồn lực góp phần làm cho địa phương ấy phát triển về kinh tế, đáp ứng nhu cầu lao động tại chỗ. Hội Thánh như một gạch nối đứng giữa để mạnh dạn lên tiếng bênh vực quyền lợi của người Xa Quê, đòi hỏi Nhà Nước phải có kế hoạch vĩ mô cấp quốc gia, sao cho ngay nơi quê hương nghèo của họ có thể tăng cơ hội lao động cho họ, để họ có thể yên tâm quay về nhà mình, an tâm lao động mưu sinh ngay trên quê hương mà không còn phải tha phương nhọc nhằn nữa...

Vấn đề là hiện tại ở Việt Nam chúng ta, cho đến nay, vẫn chưa có được một Ủy Ban về Công Lý và Hòa Bình như ở các nước khác, để có thể gióng lên những lời cảnh báo, những tiếng nói phản biện đối trọng với giới chủ và với nhà cầm quyền trong những hoạch định và chính sách an dân. Bao nhiêu những vấn nạn xã hội bủa vây, Giáo Hội đâu có thể đứng ngoài vô cảm, ở bên lề mà tự vỗ về rằng mình chỉ có nhiệm vụ loan báo Tin Mừng ở trong Nhà Thờ và lớp Giáo Lý mà xong bốn phận.

Thôi thì, cấp độ Ủy Ban chưa có, mong sao các Đấng Bản Quyền thấy chạnh thương với dân của mình, không phân biệt Lương hay Giáo, thấy cái gì trái lẽ công bằng, cái gì xuyên tạc sự thật, cái gì xúc phạm đến sự sống và phẩm giá con người thì viết thành những Thư Mục Vụ, thì đưa vào nội dung bài viết, bài giảng trong Thánh Lễ, trong những buổi Hành Hương, các báo điện tử, các trang mạng Công Giáo phụ một tay phổ biến vào cuộc sống với tốc độ đường truyền của cáp quang, của ADSL. Chắc hẳn tiếng nói Ngôn Sứ ấy được nghe, được đón nhận và được sống với hơi thở của Thần Khí...

Chiều qua, một nhóm 7 cô bé gái 16, 17 tuổi, dắt díu nhau từ bến xe tìm đến Nhà Dòng chúng tôi. Các em trình giấy giới thiệu của cha phụ trách một Giáo Xứ nghèo ngoài huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Thì ra các em rời quê để vào Sài-gòn mong tìm một cơ hội đổi đời, một thứ "Sài-gòn Dream". Hỏi đêm nay ở đâu, những ngày tới tìm việc gì, làm sao mà sinh sống, tiền bạc lặn lưng được bao nhiêu ? Các em hồn nhiên tranh nhau trả lời chỉ một đáp án: "Không biết !"

Chúng tôi chỉ biết gọi điện đến nhà mấy anh chị em Giáo Dân thân tín để gửi các em qua đêm, cho tắm rửa sạch sẽ sau gần hai ngày phiêu dạt trên xe đò cả ngàn cây số, cho ăn uống tử tế và một chỗ nghỉ ngơi an toàn. Trong lúc đó chúng tôi sẽ cố gắng xoay trở tìm nơi làm việc cho

anh chị em.

Tự xưng Trung Tâm Mục Vụ biến thành Trung Tâm... Giới Thiệu Việc Làm, kiêm luôn nơi phân phối bố trí nhà trọ "sạch" cho khách nhập cư Xa Quê ! Bí quá, đến Thánh Lễ cho Người Xa Quê, chúng tôi kêu lên với cộng đoàn xin trợ giúp.

Tạ ơn Chúa, dân mình quảng đại, nhân ái và sốt sắng lắm đấy chứ. Chỉ có vòn vẹn 7 nhân công mà có đến mấy chục nơi xin đón về, dạy nghề, cho ăn ở và lãnh lương tử tế. Chúng tôi kinh ngạc và vui mừng. Ừ thì, bên mình chưa bằng được bên Chùa, người ta sẵn sàng mở cửa Phật cho công nhân bị sa thải vào tá túc no ấm mấy tuần trước và sau Tết, thì thôi, bên mình cũng không đến nỗi thờ ơ với những mảnh đời đang phải khổ "đổ mồ hôi – sôi nước mắt"...

Lm. QUANG UY, DCCT 15.2.2009

VỀ MỤC LỤC

ĐỂ CHUẨN BỊ CHO NỀN GIÁO DỤC CÔNG GIÁO

Cách đây ít lâu, chúng tôi có viết bài đặt vấn đề về việc "Giáo Hội Công Giáo cần được mở trường học", đăng trên vietcatholic.org và congiaovietnam.net. Ở đó chúng tôi đã cố gắng nêu lên tính cấp bách trong việc Giáo Hội đứng ra điều hành và tổ chức giáo dục. Nhưng có những điều khác cũng cần phải quan tâm để khi bắt tay vào việc, cả nhà giáo dục lẫn học sinh và cả xã hội cũng không thất vọng.

I. VẤN ĐỀ CÓ THỂ GẶP.

Là những người sống ở Việt nam và hấp thụ hoặc chịu ảnh hưởng nhiều ít do nền giáo dục có nhiều khiếm khuyết từ mấy chục năm nay, chúng ta nhiều ít chịu tác động do nền giáo dục ấy, và nếu không "tỉnh thức và cầu nguyện", chúng ta không tránh khỏi va vấp. Có nhiều vấn đề mà trường lớp Công giáo có thể gặp phải, nhưng chúng ta thử nhìn lướt qua vài điều như sau:

1. Nhân sự.

Chúng ta hiểu hơn "người thế gian" về vấn đề con người. Học thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo đã xác quyết con người là nhân vị cao cả. Do đó để phục vụ con người chúng ta cần nhắc đến yếu tố người phục vụ đầu tiên. Mới đây, một vài anh em (trong đó có một giáo viên thuộc dòng Lasan), mượn danh nghĩa dòng Lasan để mở trung tâm ngoại ngữ "mini" có tính thử nghiệm. Lúc đầu thì họ dùng câu nói của thánh Lasan "giáo viên phải quan tâm đến từng học viên" để chọn những giáo viên giỏi, có kinh nghiệm. Nhưng họ bị vấp ngay tức khắc. Các trung tâm khác thường tuyển giáo viên bình thường để trả thù lao thấp bù lại chi phí. Trung tâm mới này cũng đang lo sẽ phải đi vào con đường ấy. Lại có một chuyện bất ngờ. Trung tâm này sử dụng phòng dành cho giáo lý của một giáo xứ. Ông cha xứ nghe đâu cũng dạng quốc doanh nên cũng có bao thứ chuyện. Bao nhiêu thứ xảy ra, nhưng các anh chàng tự nhận là "nhà giáo dục" cũng chẳng dám có ý kiến gì. Nói thì các anh chàng ấy bảo : "Ông là quốc doanh!". Nghĩa là phải chấp nhận tất. Và dĩ nhiên cũng vì thói quen "cúi đầu giữ chỗ" nên các anh từ đầu có thiện chí đã phải để cho thiện chí cúi đầu! Họ chấp nhận những điều phản giáo dục như chuyện thường tình, và những người có tâm huyết thấy rằng trung tâm này cũng chỉ là chỗ làm ăn. Ngay từ đầu, một trung tâm đang cố gắng mang danh Công giáo đã hành xử y như các trường mà ta thường lên tiếng phê phán, chỉ vì phải chiều theo một vài linh mục chưa ý thức sống sứ mạng mục tử của mình. Một anh làm ở trung tâm ấy tình cờ nói rằng: "Mục đích biện minh cho phương tiện". Và do vậy, giáo viên cũng như học viên thấy nghi ngờ tính minh bạch của công việc giáo dục ở đó. Chỗ ấy rõ ràng không mang tính giáo dục Công giáo, vì cách họ làm như thế là phản giáo dục.

2. Học phí.

Chúng ta cho rằng giáo dục Công giáo thì phải ưu tiên cho người nghèo. Nhưng vấn đề tiền bạc không đơn giản là chuyện ra sao cũng được. Khi mở trường, người ta nghĩ rằng "giáo dục là ưu tiên". Nhưng rồi chi phí phát sinh. Người làm giáo dục thấy "thêm chút học phí thì dân thành phố cũng chịu được", thế là học phí lại thành chuyện muôn thuở của giáo dục Việt nam.

Một nhóm anh em nọ mở lớp dạy ngoài giờ, qui tụ giáo viên có đạo để chung một chí hướng. Chỉ sau ít ngày thôi, mọi người nhận ra rằng học phí cũng chẳng thấp hơn các nhóm khác. Hoặc các nhà trẻ đang hoạt động cũng có vấn đề về học phí, về thứ tự ưu tiên... Dĩ nhiên là có nhiều lý do để biện minh: trang trải chi phí, để bù lại cho trường hợp có học viên không học tiếp tháng sau (lý do này xem ra có vẻ bi hài nhất), để thế này thế nọ vân vân. Tất cả những điều chúng ta làm đều có thể biện minh, nhưng có một điều không bao giờ xã hội chấp nhận: lấy lý do nhân đạo để làm kinh doanh. Khi chạm đến đồng tiền, nhiều giá trị phải thay đổi, và đó là điều mà người làm giáo dục Công giáo, kể cả các tu sĩ, phải đặc biệt cảnh tỉnh.

3. Phương pháp giáo dục.

Người ta vẫn than thở là chương trình học ở Việt nam nặng nề, học nhiều mà chẳng có bao nhiêu kiến thức, học thêm dạy thêm tràn lan... Nếu Giáo Hội Công giáo được mở trường lớp, chúng ta phải chấp nhận nhiều thực tế không đúng ý mình, ít là lúc ban đầu. Giáo viên ở đâu ra? Là các giáo viên đang dạy ở các trường nhà nước (rõ ràng cho đến bây giờ Giáo Hội Việt nam chưa có chương trình đào tạo riêng cho giáo viên Công giáo). Là các giáo viên đang dạy ở các trường, dù tốt đến mấy, nhiều ít họ cũng chịu ảnh hưởng trong phong cách làm việc, ý tưởng về mô hình giáo dục, quen với cách học sinh gian lận v.v... Có những giáo viên nghe những chuyện xảy ra đó đây thì đe dọa nhà trường "tôi sẽ nghỉ dạy"! Nghỉ dạy thì có người khác, "không mợ thì chợ cũng đông", nhưng giáo viên Công giáo mà như thế thì làm gương xấu quá rồi. Ngay cả trong một số chủng viện, tu viện, việc quay cóp bài vở (mà chúng tôi gọi là gian xảo trong các bài làm), đã là tiếng báo động. Nhìn lại ảnh hưởng giáo dục trên xã hội, các nhà giáo có nhiều thao thức không thể ngồi yên. Nhưng họ sẽ làm được gì khi ngay bây giờ chưa có hướng đi nào rõ nét. Cha Lê Quang Uy DCCT vẫn nói đại ý phải làm ngay, phải sống tốt, sống khác, sống đẹp, không thể cứ theo lối sống thế gian. Nhưng ai sẽ thổi ý tưởng ấy bùng lên?

II. "HÃY ĐỨNG DẬY, TA ĐI". (Mc. 14,42)

Giáo Hội Công Giáo Việt Nam chưa được mở trường lớp chính thức (trừ nhà trẻ và các lớp mẫu giáo), nhưng các vấn đề đặt ra lại quá cấp bách, và những chuyện xảy ra trong giáo dục Công giáo sẽ làm nhiều người thất vọng nếu người Công giáo và những vị có trách nhiệm không có chương trình hành động ngay từ bây giờ. Nhiều người trí thức Công giáo có thiện chí đã và đang lao vào phục vụ con người ở nhiều lãnh vực khác nhau: y tế, kinh tế, xã hội... nhưng dường như lối vào giáo dục còn bỏ ngõ. Lời Chúa Giêsu chắc chắn đang vang lên trong những tâm hồn đang thao thức với nền giáo dục Công giáo: "Hãy đứng dậy, ta đi". Còn ngồi lại bàn tính suy tư mà chưa đứng dậy thì sợ rằng sẽ muộn mất.

1. Đào tạo con người.

Một số linh mục, tu sĩ và giáo chức trẻ thì có đặc tính là "rất trẻ", trẻ về cả tuổi nghề cũng như kinh nghiệm giáo dục. Một linh mục mới chịu chức đã vội nghĩ mình là "thầy dạy muôn dân". Linh mục là thầy dạy theo gương Thầy Chí Thánh là Đức Kytô, luôn mang trong tâm hồn sự "hiền lành và khiêm nhường", chứ không phải là thầy kiêu trần thế, muốn gom dân lại mà dạy tất tần tật mọi thứ. Dĩ nhiên có những vị linh mục mà tài đức và kiến thức về mọi mặt đạo đời ai cũng kính nể, như cha Matthêu Vũ Khởi Phụng DCCT, nhưng không phải linh mục nào cũng thế. Một linh mục giảng "có 15% dân số thế giới tin Chúa", con số sai rồi, nhưng ông lại bảo: "lấy số khác!". Và như vậy, những "nhà" ấy dĩ nhiên là cần được đào tạo lại về nghề nghiệp và về nhiều thứ khác, nhất là về khoa sư phạm để làm nhà giáo Công giáo đích thực. Cũng không ít giáo dân làm nghề giáo, nhưng cũng dạy qua loa, cũng ham thành tích, cũng giảng say sưa những điều vô bổ hay sai lạc, cũng dạy thêm và... chém! Chúng tôi rất khâm phục đường lối của các Cha DCCT, ước chi các ngài sẽ khởi xướng và tiếp tục việc đào tạo những nhà đào tạo.

2. Lòng hy sinh.

Đức Kytô, với tư cách một nhà giáo dục, đã không ngại bất cứ khó khăn gian khổ nào, để dạy cho dân những chân lý của muôn đời. Ngài không những dạy bảo mà còn cảm hoá, bằng chính lòng nhân từ và tình yêu của Ngài, biểu lộ qua lòng hy sinh chấp nhận tất cả để đến với những học trò nghèo, bình dân. Là môn đệ Đức Kytô, các nhà giáo dục Công giáo cũng phải đi con đường ấy. Hy sinh thì giờ, công sức đã vậy, mà sự hy sinh về đời sống vật chất cũng là cách thể hữu hiệu để giáo dục. Không thiếu những nhà giáo Công giáo vẫn hăm hở chờ nhận quà ngày 20/11, không thiếu những nhà giáo nhiệt thành giảng dạy nhưng vẫn đòi sự đền bồi cân

xứng. Tất cả những điều ấy không sai xét về mặt nào đó, nhưng quả thật là những chứng ngại không nhỏ trên con đường giáo huấn.

3. Phải có một học thuyết.

Bất cứ một chương trình hành động nào cũng cần được hướng dẫn bởi một lý thuyết phù hợp, phù hợp với tôn chỉ, với mục tiêu, với con người và xã hội mà những người hành động nhắm tới. Người Công giáo được soi sáng và thúc đẩy bởi Tin Mừng, trong đó tất cả nguyên tắc được Đức Kytô, vị Thầy mẫu mực đã rọi soi đến từng góc ngách của cuộc đời đa dạng và phong phú này. Nhưng các học thuyết, Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo và các văn kiện của Toà Thánh về giáo dục là minh hoạ và chi tiết hoá lời giảng của Đức Kytô trong từng môi trường làm việc cụ thể. Các giáo chức Công giáo đang nhắm tới việc kiện toàn nền giáo dục không thể làm ngơ trước các học thuyết này. Và chúng con tha thiết mong các vị hữu trách trong Giáo Hội quan tâm đặc biệt để phong trào học và sống các học thuyết của Giáo Hội trở thành việc huấn luyện thường xuyên cho những người quan tâm đến công cuộc giáo dục trong Giáo Hội.

III. THAY LỜI KẾT

Xin được trích các điều khoản trong Bộ Giáo Luật để thay lời kết luận cho bài viết này, và theo giáo luật, chúng con kính mong các bậc hữu trách trong Giáo Hội quan tâm để việc giáo dục Công giáo có thể thực hiện và mang lại hiệu quả thiết thực.

Điều 803: (1) Trường học được gọi là công giáo khi được nhà chức trách có thẩm quyền trong Giáo Hội hay một công pháp nhân trong Giáo Hội điều khiển, hoặc được Giáo Quyền nhìn nhận như vậy qua một văn kiện.

(2) Việc huấn luyện và giáo dục trong một trường công giáo phải được căn cứ trên những nguyên tắc của giáo lý công giáo. ***Các giáo viên phải trỗi vượt về giáo lý chân chính và đời sống thanh liêm.***

Điều 804: (2) Bản Quyền sở tại phải lưu tâm để các giáo viên dạy tôn giáo trong các trường, kể cả các trường không công giáo, được trỗi trang về đạo lý chân chính, về chứng tá đời sống Kitô Giáo và về khoa sư phạm.

Gioan Lê Quang Vinh

VỀ MỤC LỤC

NĂM THÁNH THÁI HÀ: “NHỚ THẦY MARCEL NGUYỄN TẤN VĂN – CHỨNG NHÂN SỰ THẬT”

Sự hình thành của một chính thể luôn phải trả giá bằng máu hay mạng sống của những con người trung kiên. Sự hình thành, tồn tại và phát triển của một dòng tu hay một tu viện cũng luôn cần những con người quả cảm, dám sống chết cho lý tưởng.

Sự hình thành, tồn tại và phát triển của Dòng Chúa Cứu Thế tại Hà Nội suốt 80 năm qua cũng không đi ra ngoài qui luật khắc nghiệt ấy.

Trong số những con người đã ghi lại dấu ấn đậm nét trên bước đường tồn tại và phát triển của Dòng Chúa Cứu Thế tại Hà Nội phải kể đến Thầy Marcel Nguyễn Tấn Văn – người tù không án, người tội tử Chúa, dám sống cho sự thật, bị bắt vì sự thật và chết cho sự thật.

Thầy Gioakim Nguyễn Tấn Văn sinh ngày 15 tháng 3 năm 1928, tại Ngăm - Giáo, một làng quê nhỏ nằm giữa Hà Nội và Hải Phòng, thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 17 tháng 10 năm 1944, thầy được nhận vào làm Dự tập sinh Dòng Chúa Cứu Thế và được nhận tên Dòng là Marcel. Ngày 8 tháng 9 năm 1946, lễ sinh nhật Đức Mẹ, thầy được khấn trong Dòng.

Ngày 7 tháng 2 năm 1950, thầy rời nhà Hà Nội tới phục vụ tại Dòng Chúa Cứu Thế Sài Gòn.

Ngược với dòng người đang hoảng loạn di tản vào Nam tránh nạn cộng sản, ngày 14 tháng 9 năm 1954, lễ Suy tôn Thánh giá, thể theo lời kêu gọi của các bề trên, thầy rời Nhà Sài Gòn trở về Hà Nội để cùng với cha Giuse Vũ Ngọc Bích – người đã quay trở về Hà Nội trước đó, giữ đền Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp. Trước khi lên máy bay trở lại Miền Bắc và sẽ không bao giờ trở lại, thầy đã quả quyết với những người khuyên thầy đừng trở lại Hà Nội rằng:

"Không ai, không gì có thể tước được vũ khí của Tình yêu của tôi. Tôi ra đi để chứng tỏ giữa vùng cộng sản vẫn có người yêu mến Chúa, yêu mến Thiên Chúa nhân lành... Cái chết của tôi sẽ là sự sống của nhiều người. Cái chết của tôi sẽ đánh dấu thời kỳ bắt đầu hòa bình cho Việt Nam" (trích Tiểu sử Marcel Văn: "Tình yêu không thể chết", tr. 10).

Lời danh thếp này đã là lời tiên báo con đường thập tự mà thầy sẽ trải qua và điều ấy đã xảy ra sớm hơn những gì thầy dự định: ngày 7 tháng 5 năm 1955, ngày kỷ niệm 26 năm thành lập Tu viện Dòng Chúa Cứu Thế tại Hà Nội, Marcel Văn bị bắt khi đứng ra làm chứng cho sự thật. Chuyện kể rằng:

"Sáng ngày 7 tháng 5 năm 1955, Marcel Văn ra phố mua đồ dùng và nhân tiện lấy chiếc xe Môbilét gửi sửa từ hôm trước. Trên đường phố, Văn nghe thấy một số người bàn qua, tán lại câu chuyện hoàn toàn sai sự thật... về Miền Nam. Những người này cho rằng, ở Miền Nam, dân bị đưa đi làm khổ sai, thanh niên phải đi lính cho đế quốc... Trước những lời lẽ thô bỉ, những luận điệu sai trái này, nghĩ cần phải lên tiếng, Marcel Văn đã ôn tồn và lịch sự xác nhận: "Chính tôi đây, từ trong Nam ra...tôi xác nhận là Chính phủ Miền Nam không hành động như vậy" (theo Tiểu sử Marcel Văn: "Tình yêu không thể chết", tr. 10).

Những năm tháng tù đầy đối với thầy là những năm tháng nghiệt ngã: bị tra tấn, biệt giam, đấu tố... bị mua chuộc, dụ dỗ ra nhập "Ủy Ban Liên Lạc Những Người Công giáo Yêu nước" và bị kết 15 năm tù không án, nhưng thầy vẫn kiên trung với sứ mạng và tiếp tục làm chứng cho sự thật. Trong một bức thư viết vội trong tù gửi cha bề trên Dòng, thầy đã viết:

"Nếu con muốn sống, thật quá dễ dàng: con chỉ việc tố giác cha. Chắc cha biết qua về "phong trào tố khổ" của những người "yêu nước", những người "cách mạng Việt Nam" rồi chứ gì? Ôi! Tinh thần yêu nước! Ôi! Cách mạng! Người ta đã nhân danh người để phạm biết bao tội ác!"

Thầy cũng viết cho cha linh hướng của mình:

"...thời gian qua con đã phải chiến đấu rất nhiều, và chịu đủ mọi khổ hình về tâm não. Kẻ thù dùng nhiều mưu bắt con phải đầu hàng, nhưng chưa bao giờ con lại để mình hèn nhát đến thế. Cũng có thể nói nếu con ham sống, thì ngày nay con không còn bị nhốt trong tù nữa. Nhưng kẻ thù lại không muốn để con chết một cách anh dũng và dễ dàng như thế. Cha hiểu con nói gì rồi. Cha cầu nguyện nhiều cho con, cách riêng cho các tín hữu Bắc Việt" Tù 304 A. (Thư 17.11.1955 gửi cha A. Boucher).

Theo các chứng từ còn để lại, chính quyền thời đó đã dùng mọi biện pháp để thuyết phục thầy "nhận tội", nhưng thầy đã quả quyết: *"Tôi không thú nhận tội ác mà không bao giờ tôi phạm"* và sự kiên cường ấy khiến thầy phải trả giá bằng chính mạng sống mình.

Tháng 8 năm 1957, thầy bị chuyển tới trại số 2, Yên Bình, Yên Bái. Suốt hai năm sống tại đây phần lớn thời gian thầy bị biệt giam, không được tiếp tế thăm nuôi. Thầy bị lao phổi nặng.

Ngày 10 tháng 7 năm 1959, thầy đã an nghỉ trong cánh tay Chúa nhân từ, kết thúc một cuộc đời luôn dám sống cho sự thật và đã chết vì can đảm làm chứng cho sự thật. Chút xương tàn của thầy, giờ đây, vẫn còn đang chìm dưới lòng Hồ Thủy điện Thác Bà như một chứng tích tố cáo một thời kỳ lịch sử đầy bất công mà chế độ cộng sản đã gây ra cho đất nước và cho dân tộc.

Cuộc sống, cái chết và tấm gương anh dũng của thầy trong cuộc đấu tranh cho công lý và sự thật đã làm nảy sinh những tín hữu trung kiên, đang và sẽ mãi là động lực thúc các thế hệ kế tiếp của Nhà Dòng tại Hà Nội tiếp bước thầy trong cuộc đấu tranh, dẫn thân cho những con người bị áp bức, bị đẩy ra bên lề.

Thầy đã ra đi, nhưng con người và sự nghiệp đấu tranh cho sự thật vẫn còn đó. Thầy đã ra đi, cái chết, sự khổ nhục trong chốn lao tù đã làm trở sinh ơn phúc giúp Dòng vượt qua được những giai đoạn gian khó nhất trong quá trình hình thành và phát triển suốt 80 năm qua.

Tám mươi năm qua với anh em Dòng Chúa Cứu Thế Hà Nội là một hành trình với những nỗi truân chuyên vất vả. Đó là 80 năm của hồng ân, nhưng cũng là 80 năm của thử thách: *"máu, nước mắt hòa lẫn lời cầu nguyện của anh em trong Dòng cách riêng là của anh em Tu sĩ Dòng Chúa Cứu Thế Hà Nội dâng lên cho Chúa suốt 80 năm qua, đang là bảo chứng vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của Dòng Chúa Cứu Thế nơi trái tim của Đất nước"* (Trích kỷ yếu – kỷ niệm 75 năm Dòng Chúa Cứu Thế có mặt tại Việt Nam).

15/2/2008

An Dân

VỀ MỤC LỤC

DÂU TRĂM HỌ !!!

Phận gái mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu ! Câu nói để đời của ông bà ta để nói về thân phận của người con gái. Con gái lớn lên phải lập gia đình. May mắn thì được một tấm chồng đàng hoàng tử tế, chẳng may thì lại gặp đấng lang quân sáng xỉn chiều say ! Bên cạnh đức ông chồng do ông tơ bà nguyệt se định thì còn đó cả gia đình chồng. Cái chương lớn nhất bên gia đình chồng có lẽ là bà mẹ chồng để rồi người ta có quá nhiều truyền thuyết chẳng mấy hay ho gì về cái chuyện mẹ chồng - nàng dâu.

Nếu may thì được bà mẹ chồng diều hiền đảm thắm, còn ngược lại thì vì chữ tình với chồng nên cắn răng cho tròn chữ hiếu !

Ai đã kinh qua bà mẹ chồng cay nghiệt sẽ hiểu được phận làm dâu của người phụ nữ.

Để nói lên sức chịu đựng, lòng kiên vững của người phụ nữ người ta vẫn thường nói đến phận làm dâu.

Trong xã hội, có nhiều công việc phải đối diện với nhiều người nên rồi người ta ví cái nghề này nghề kia khó vì lẽ phải "làm dâu trăm họ". Từ "làm dâu trăm họ" như muốn nói lên sự vất vả của những ai phải sống, phải tiếp xúc với rất nhiều người.

Cái "phận làm dâu trăm họ" mà bấy lâu người ta vẫn dùng cho người này người kia tùy công việc của họ hôm nay tôi lại nghĩ đến phận của người linh mục. Trước đây tôi cũng nghe loáng thoáng người ta nói về phận "làm dâu trăm họ" của người linh mục nhưng nay tôi được chứng kiến tận mắt, nghe tận tai.

Một buổi chiều nọ, đang ngồi ở hành lang "nhà xứ" (đóng mở ngoặc kép vì "nhà xứ" ở cái vùng truyền giáo nghèo này rất đặc biệt, chẳng nơi nào có được !!!) nói chuyện chơi với giáo dân trước Thánh Lễ. Đang nói chuyện, đến giờ đọc kinh, tôi đi kéo chuông. Kéo chuông xong tôi lại ngồi nói chuyện vu vơ với giáo dân. Ở cái vùng truyền giáo nghèo này có cái "truyền thống" là trước khi đi đọc kinh vào Thánh Lễ thì bà con túm lại với nhau kể chuyện con còng, con cua, con nha ... Những câu chuyện ấy như là nỗi lòng của những người dân nghèo chia sẻ cuộc sống với nhau.

Thấy "ông cha" đang ngồi nói chuyện rồi phải đi kéo chuông thì cụ già ngồi cạnh tôi nhớ đến chàng thanh niên nào đó trong giáo điểm và nói :

- "Cái thằng X kia cũng lạ ! Thời Cha kia thì ngày nào nó cũng đến nhà thờ kéo chuông, phụ cái này cái kia với cha. Giờ chẳng thấy nó đâu !

Bà cụ nói :

- "Hình như lễ Chúa nhật tui cũng hồng thấy nó :

Ông cụ nói :

- "Có, thi thoảng thấy nó !"

Cụ bà bức xúc nói :

- "Cái thằng gì kỳ, cha nào đến đây cũng là cha chứ sao nó kỳ vậy. Tui là cha nào tui cũng đi nhà thờ hết chứ tui hồng có phân biệt cha nào hết !".

Ông cụ tức tối "trả đũa" :

- Bà mới kỳ ! Thì người ta thích ông cha kia người ta đi nhà thờ ! Còn ông cha này đến người ta hồng thích người ta hồng đi ! Tui cũng dzậy !

Tưởng cụ già nghĩ sao chứ cụ già nghĩ vậy cũng kẹt cho tôi. Tôi về đây mới được mấy tháng, may mà cụ còn đi lễ chứ hồng biết bữa nào cụ chán tôi cụ hồng đi lễ Chúa trách tôi chết ! Hoá ra là anh chàng thanh niên kia và cụ già này đi lễ vì ông cha chứ hồng phải là vì Chúa ! Tôi trộm nghĩ chắc là cha của tôi hiện tại làm gì cho anh không vui nên anh không lui tới như cha tiền nhiệm.

Lễ xong, về phòng cũng nghĩ ngợi lắm ! Không biết mình phải sống làm sao để cho giáo dân siêng năng đi đợc kinh xem lễ ?

Cũng khó đấy chứ ! Mỗi một người một phong cách, một dáng vẻ, một suy tư, một cách làm việc. Chẳng ai giống ai trên cái cõi đời này như hàng ngũ linh mục chúng tôi vậy. Chúa ban cho mỗi linh mục một đặc sủng, một nét riêng chứ làm sao mà có một mẫu số chung đợc : người thì bề ngoài đạo mạo uy nghi, người thì xuề xoà bình dị, người thì mặt tươi như hoa, người thì lại có vẻ như đang cau có chuyện gì ... Vì thế, giáo dân phải đồng cảm, phải hiểu cho vị mục tử mà Chúa sai đến với họ chứ không thể nào trách khừ linh mục đợc.

Mỗi vùng có đặc điểm riêng của vùng đó.

Với cái vùng truyền giáo nghèo này thì tôi hiểu ngay lý do tại sao cái chàng thanh niên chiều nay đợc nhắc đến không còn đến nhà thờ như ngày xưa nữa. Chuyện là cha xứ tiền nhiệm, do cái tài xoay sở của Ngài, Ngài chia sẻ cho chàng thanh niên kia tấm lòng của Ngài nên chàng thanh niên hay lui tới. Còn cha Sở hiện tại do không có tương quan nhiều bằng cha kia nên không có điều kiện chia sẻ như trước nên anh chàng ấy vắng bóng ! Đó cũng là chuyện thường tình của những vùng mà đời sống vật chất khó khăn, cuộc sống phải đổi diện với bữa no bữa đói.

Nhớ Cha Sở tiền nhiệm, nhìn cha Sở hiện tại, nghĩ đến thân phận của mình. Mình không tương quan nhiều, không quen biết nhiều, ắt hẳn sẽ không đợc như các bậc tiền bối. Nghĩ như vậy cũng buồn, cũng lo vì nếu cứ như thế này thì số người lui tới nhà thờ sẽ chẳng đợc là bao !

Lại trở về nét đặc trưng của mỗi người. Không có tương quan, không có nguồn chia sẻ thì dân sẽ bớt đến !

Ví như một ngày nào đó chỉ còn một mình dâng Lễ Misa mỗi ngày tôi vẫn dâng ! Vì lễ, mình đến phục vụ ơn cứu độ chứ mình không đến để phục vụ đời sống kinh tế của giáo dân. Bao nhiêu uỷ ban xoá đói giảm nghèo, phòng ban kinh tế của Nhà Nước còn lo chưa xuể huống gì là linh mục !

Linh mục lo chuyện đời sống thiêng liêng, đời sống tâm linh chứ đời nào linh mục lại lo về đời sống kinh tế !

Cũng có lo nhưng chỉ lo cho những người đau ốm bệnh tật và học bổng cho các em học sinh nghèo hiếu học chứ làm sao mà lo cho đời sống thường nhật cho giáo dân đợc. Bản thân là linh mục cũng phải đi xin mới có thuốc có men và có học bổng để lo cho người nghèo chứ linh mục làm gì mà có tiền đợc ?

Và nếu như có thì lại sinh tội ! Có rồi lại chia, chia rồi lại thiếu hoặc sót vì có kẻ được người không, kẻ ít người nhiều. Đôi khi cho rồi lại phát sinh ra nhiều vấn đề tệ hại hơn là không cho.

Khả năng Chúa ban cho mình sao thì mình chỉ biết sống như vậy thôi chứ làm sao mà có thể đáp ứng được nhu cầu của 600 con người đa phần là hộ nghèo, hộ khổ của xã vùng ven biển. Khả năng Chúa ban có thể thì mình sống thế chứ làm sao mà đòi hỏi là một đại gia để đi phân phát lúa gạo cho người nghèo được. Không khéo truyền giáo như thế sẽ biến Đạo Công giáo thành Đạo Gạo như một thời người ta đã nói là "theo đạo Ông Diệm" vì "theo Đạo mới có gạo mà ăn" ! Con dao hai lưỡi của những vùng truyền giáo nghèo !

Ví dụ nho nhỏ, trong các bài chia sẻ trong Thánh Lễ. Người thì được ơn ăn nói, người thì trình bày dài dòng chút tùy theo khả năng của mình. Thế nhưng, bên dưới cái tài ăn nói, cái cách trình bày thì điều duy nhất mà các linh mục nhắm đến đều là giảng giải Lời Chúa, đưa ra bài học Luân Lý và bài học thiết thực trong đời sống. Thế nên, không phải vì cha này giảng ngắn giảng dài mà ta không dự lễ nhà thờ đó được. Chẳng lẽ nhà thờ này cha này dâng lễ mới thành còn cha kia dâng lễ không thành sao ???

Giáo dân phải nghĩ, phải nhìn đến khả năng, ơn riêng mà Chúa ban cho mỗi linh mục để rồi giáo dân cùng với linh mục nâng đỡ nhau sống đời sống đạo thật tốt chứ không nên có cái nhìn như anh chàng thanh niên và ông cụ nọ.

Nói thế thôi chứ trong giáo xứ, giáo điểm có và có rất nhiều tâm trạng như anh chàng thanh niên và ông cụ mà chiều hôm nay tôi tiếp xúc. Và như thế, linh mục giúp xứ bỗng nhiên trở thành "nàng dâu trăm họ" của giáo điểm hay giáo xứ.

Vẫn mang trong mình thân phận của một con người đầy khiếm khuyết, đầy giới hạn chứ làm sao một sớm một chiều thành thánh như một số suy nghĩ nông cạn. Cũng là con người trong hành trình tìm kiếm Thiên Chúa, trong hành trình tu chỉnh bản thân để theo Chúa chứ có phải là người hoàn hảo đâu ?

Giáo điểm này, giáo xứ kia vẫn có những con chiên muốn vị mục tử, vị chủ chăn mình phải hợp nhãn giới với mình hay nói đúng hơn là mục tử đúng nghĩa của họ là mục tử phải làm theo ý họ, chiều theo sự điều khiển của họ.

Khổ lắm thay cho thân phận linh mục : phận "làm dâu trăm họ" !

Đôi lúc cũng nản lòng, đôi lúc cũng muốn buông xuôi nhưng Thầy Chí Thánh của mình đã từng nói : "Ai bền đỗ đến cùng thì sẽ được cứu !". Tin vào lời Thầy Chí Thánh các linh mục, các đồng nghiệp "làm dâu trăm họ" cứ phải cố gắng từng ngày từng ngày cùng Thầy của mình leo lên đỉnh đồi Sọ.

Khi nào vượt qua thập giá mới được vào Vinh Quang, cũng là lời của Thầy Chí Thánh xưa.

Thuở sinh thời, Thầy Chí Thánh cũng sống trong cảnh làm "dâu trăm họ" chứ có hơn gì các linh mục ngày nay đâu. Cho họ ăn, chữa lành bệnh tật, trừ quỷ thì họ tung hô tán thưởng, còn khi không làm theo ý dân thì bị vùi xuống bùn đen, đánh đập và cuối cùng là chết treo trên thập tự.

Phận "làm dâu trăm họ" muốn vào Vinh Quang với Thầy Chí Thánh cũng phải đi qua con đường của phi báng, chà đạp và kết án như Thầy mình ngày xưa thôi !

Lm. Anmai, C.Ss.R.

VỀ MỤC LỤC

HÃY ĐẶT CHÚNG TRONG CÙNG MỘT CON TÀU

Ông bố khám phá ra: một trong ba đứa con ông đã dùng viết chì vẽ lên trên cái lò sưởi

bằng gạch còn mới toang của ông. Ông triệu tập cả ba và lần lượt hỏi từng đứa: “Đứa nào đã vẽ đó?” Mỗi đứa đều chối không làm điều đó. “Một trong các con nói láo. Bố muốn biết đứa nào đã làm điều đó. Bố sẽ không chấp nhận kẻ nói láo. Vậy bây giờ đứa nào làm điều đó?” Không ai trả lời. “Được rồi, bố sẽ phạt cả ba.” Ông tóm lấy từng đứa và phết đất nó. Đoạn, ông lại hỏi: “Đứa nào dùng cây viết chì vẽ lên trên lò sưởi?” Cuối cùng, đứa lớn nhất nhận lỗi làm đó. “Bây giờ, hãy lau sạch nó đi.” Ông bố lấy xô nước, bàn chải, và thuốc tẩy, và đứng ở đó cho tới khi cô ta lau sạch lò sưởi.

Quan niệm thông thường là chúng ta nên đối xử với từng đứa và có lời ban khen hoặc lên án xứng với hành động của mỗi đứa trẻ. Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy được điều này là: tất cả các con trẻ trong một gia đình kết đoàn với nhau để chống lại người lớn hoặc để đánh bại hoặc để làm người lớn bận rộn. Thường thì những phần tử trong cùng một nhóm đều chấp nhận quy luật này là: không sợ sệt, không nhút nhát, và không than khóc. Trong trường hợp này, cả ba đứa ở trong cùng một liên minh. Cả ba đứa sẵn sàng chịu phạt hơn là khóc la, sợ sệt.

Khi chúng ta gọi và xử lý với từng cá nhân sau một vài hành vi sai lỗi, chúng ta có khuynh hướng nâng cao hành động trong đó đứa này hoặc đứa kia tìm kiếm sự đồng ý và sự thẳng thắn thưởng của bố mẹ trong lúc đứa khác bị thiệt thòi sửa phạt. Như thế, hành động của chúng ta càng làm tăng thêm sự cạnh tranh giữa chúng vì chúng ta dùng đứa này để chống lại đứa khác. Đó là một hành động không mấy thích hợp cho việc giáo dục.

Chúng ta có thể chế ngự được sự cạnh tranh căng thẳng và những kết quả thiệt hại của nó, nếu chúng ta đối xử với con cái như một nhóm bằng cách đặt tất cả chúng trong cùng một chuyến tàu để nói. Đây có thể là một bước cách mạng nhất mà một bố mẹ có thể áp dụng lấy. Đối xử tất cả chúng như một đơn vị có thể không thích hợp với tinh thần tranh đua, sự phán đoán, và sở thích cá nhân, nhưng nó mang lại một cái gì lý tưởng xuất phát từ trong thánh kinh nhưng đã mất ảnh hưởng trong xã hội hôm nay.

Trong mẫu chuyện trên, chúng ta có thể giải quyết theo phương cách: ông bố có thể gọi ba đứa trẻ lại, bảo chúng lau chùi lò sưởi mà không cần cố gắng tìm ra ai là thủ phạm. Điều này ngăn ngừa đứa tốt khỏi tỏ cái tốt và đứa xấu khỏi tỏ cái xấu bằng cách làm tăng sự tranh quyền hoặc tìm kiếm sự trả thù. Nhưng có thể chúng ta sẽ nghĩ: thật không công bằng nếu bắt đứa vô tội rửa sạch vết nhơ mà nó không làm. Con trẻ cũng có thể nêu lên những ý tưởng như vậy. Con trẻ chúng ta có ý tưởng về cái gì là công bằng hay không công bằng bởi sự tiếp xúc với chúng ta và sẵn sàng dùng nó để phản đối chúng ta. Nếu chúng ta vượt được quan niệm cho rằng lối giải quyết như thế thì bất công, con trẻ chúng ta có thể khám phá ra lợi ích của vấn đề đó. Nếu chúng ta loại bỏ được sự cạnh tranh để được lòng bố mẹ, con trẻ có cơ hội để phát triển sự tương kính lẫn nhau. Thật vậy, khi chúng ta đặt chúng trong cùng một con tàu và làm chúng có trách nhiệm như một nhóm cho điều mà mỗi đứa làm, chúng ta đã lách bươm ra khỏi giới. Chúng ta không còn tạo cho chúng có tham vọng gây ấn tượng cho nhau, vì thế động lực của hành động sai lầm không còn ý nghĩa nữa.

Một vấn đề tương tự khác đó là sự ganh tỵ giữa các trẻ. Thật là hữu ích vì nó gây một ấn tượng trên bố mẹ. Nó kêu gọi mọi hành vi tức giận của bố mẹ để cố gắng thẩm định tình hình. Sự ganh tỵ sẽ trở nên vô ích nếu bố mẹ không bị gây ấn tượng. Nhưng không biết được bao nhiêu bố mẹ có thể không bị gây ấn tượng.

Lời khuyên đặt tất cả con trẻ trong cùng một chuyến tàu thường có kết quả tốt hơn mong đợi. Một bà mẹ đi dự một buổi thuyết trình trong đó cách hành xử như thế đã được đề nghị. Bà về nhà cố gắng thực hiện và sau đó bà cho biết:

Bà có ba đứa trẻ 9, 7, và 3 tuổi. Hai đứa lớn có một ít ảnh hưởng trên đứa nhỏ và thường phàn nàn về những đặc ân đã được cho đứa nhỏ. Một buổi tối kia, ngay sau khi nghe bài thuyết trình, đứa nhỏ đang đùa chơi với thức ăn của nó và làm vung vãi lung tung. Bà mẹ nói với cả ba đứa rời khỏi bàn ăn vì chúng không biết ăn uống cách thích hợp. Hai đứa lớn tỏ ra hơi giận dữ, nhưng cả ba rời bàn. Từ lúc đó trở đi, đứa nhỏ nhất không bao giờ dục phá thức ăn nữa. Bà mẹ lấy làm lạ ở kết quả lạ lùng của hành động bà, nhưng không hiểu tại sao nó có hiệu quả.

Hành vi sai lầm của đứa bé chiếm được sự chú ý đặc biệt. Nó được nhắc nhủ phải ăn uống sao cho thích hợp. Hành động của bà mẹ không chỉ tước khỏi nó sự chú ý đặc biệt, nhưng bây giờ những đứa lớn cũng chia sẻ sự chú ý mà nó gây nên. Vì thế, không còn có gì

vui nữa trong hành động sai lầm của nó nếu những đứa lớn cũng chia xẻ sự chú ý đặc biệt này.

Kết quả của trách nhiệm hỗ tương càng trở nên rõ ràng hơn trong mẫu chuyện dưới đây:

Đức Huy 8 tuổi, là đứa ở giữa người anh có nhiều khả năng và đứa em gái trẻ đẹp. Nó là kẻ đáng sợ. Nó biết nói láo, lấy đồ, và hai lần đốt lửa ở dưới từng hầm. Sở thích của nó là lấy viết chì vẽ lên vách tường. Bà mẹ không thể nào ngăn chặn nó. Khi bà đến Trung Tân Hương Dẫn để tìm sự chỉ dạy, bà được khuyên nên đối xử với ba đứa trẻ như một đơn vị, và làm cho chúng có trách nhiệm với hành vi sai lầm của cậu bé Đức Huy.

Hai tuần sau, bà mẹ và cậu bé trở lại. Bà mẹ hoàn toàn ngạc nhiên. Bà tường thuật rằng cậu bé đã bỏ hành động sai trái. Nó đã dùng bút chì vẽ lên tường một lần và bà mẹ đã ra lệnh cho các trẻ phải lau sạch. Cậu bé Đức Huy đã không tham dự vào việc lau chùi đó, nhưng cũng từ đó nó không còn dùng viết chì vẽ bậy lên tường nữa.

Trong một cuộc chiến, khó định được ai có tội, ai không. Đó không phải là kết quả của hành động sai lầm của một đứa – mà tất cả chúng đều đóng góp như nhau vào những bất ổn xảy ra đó – đó là kết quả của những gì chúng đã cùng nhau góp phần tạo nên. Đứa tốt có thể kích động đứa xấu, có thể thúc đẩy, làm đứa kia đi quá đà trong muôn ngàn cách để làm cho bà mẹ dấy mình vào. Những đứa trẻ có trách nhiệm với nhau, nối kết những cố gắng hoặc cho lợi ích gia đình hoặc càng gây thêm căng thẳng. Thông thường khi đứa xấu trở nên tốt hơn thì đứa tốt trở nên xấu hơn; vì thế đám trẻ cấu kết nhau để đối đầu với chúng ta. Nếu bà mẹ thấy điều đó và đối xử với chúng như một nhóm, bà sẽ có kết quả ngạc nhiên, và chúng sẽ thấy ích lợi của sự nương tựa vào nhau và sẽ lo lắng cho nhau.

Lm. Lê Văn Quảng, tiến sĩ tâm lý

VỀ MỤC LỤC

VÌ DANH THẦY

"Vì danh Thầy, anh em sẽ bị mọi người thù ghét. Nhưng dù một sợi tóc trên đầu anh em cũng không bị mất đâu"

(Lk 21:17-18)

Vì danh Thầy, con bị thù ghét

Vì danh Thầy, con bị tù giam

Dù sao con vẫn hiên ngang

Vẫn là tôi tớ chẳng ham sang giàu!

Vì danh Thầy, vì lòng Bác ái

Vì Công bình Thầy dạy chúng con

Yêu người, đức Ái cho tròn

Người nghèo đau khổ chúng con yêu nhiều!

Con sẽ ngẩng cao đầu hãnh diện

Vì con là Nhân chứng Tin Mừng

Lời Thầy vang khắp không trung

Nước Thầy trị đến không cùng thời gian!

Xin Thầy thương giúp con hằng hái

ĐỂ xứng danh mãi mãi môn đồ

Lời Thầy con tận lực này

Dựng xây trái đất những ngày bình yên!

Xuân Vũ Trần Đình Ngọc

VỀ MỤC LỤC

ĐỂ CON THEO Ý MUỐN (HAY LÀ SÁT NHÂN)

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, M.D.

Trong một bài viết trước, tôi đã nêu vấn đề nghiên cứu tế bào gốc (Stem cell) và việc thụ thai nhân tạo với những lợi hại của nó dựa trên quan điểm của Giáo Hội Công Giáo. Bài viết này cũng liên quan đến vấn đề đó, nhưng chú trọng đến những nghiên cứu tìm hiểu của một số nhà nghiên cứu đã đi quá xa.

Mục đích tiên khởi của việc nghiên cứu tế bào gốc là tìm ra phương cách chẩn đoán và chữa trị để giúp con người hết bệnh tật, sống vui khỏe và hạnh phúc. Tuy nhiên, việc nghiên cứu không chỉ dừng ở đó, nó sẽ biến thiên ra nhiều ngõ ngách khác, có thể tốt có thể xấu. Nhưng hậu quả xấu đó có đáng và hợp với luân lý đạo đức không thì ta còn cần phải tìm hiểu và điều nghiên thêm. Biết trước và phòng ngừa là việc cần thiết và phải làm. Là người công giáo chúng ta luôn luôn tôn trọng sự sống dù nó còn là hài nhi, hay vẫn ở tình trạng thai phôi trong bụng mẹ (hoặc trong phòng thí nghiệm) hay đã sinh ra đời, lớn lên, thành già cả, lẩm cẩm và bệnh tật.

Mới đây sau những ngày vui mừng Chúa Giáng Sinh, tại Anh Quốc đã xảy ra một cuộc tranh luận về việc phá thai / giết chết hài nhi còn trong bụng mẹ chỉ vì đứa nhỏ có tính di truyền dị tật bất thường.

Báo Guardian ngày 12-1-2009 đã loan tin Trung Tâm nghiên cứu bệnh Autism thuộc viện đại học Cambridge có thể tìm ra lý do một đứa nhỏ bị autism từ lúc còn trong bụng mẹ. Nghiên cứu một nhóm 235 hài nhi, các bác sĩ đã khám phá thấy có dấu chỉ bệnh autism khi lượng kích thích tố nam khá cao trong nước ối của người đàn bà mang thai. Giáo sư Simon Baron-Cohen, giám đốc chương trình nghiên cứu đã đặt vấn đề trên tờ báo Guardian:

- Nếu chúng ta có một thử nghiệm cho biết một đứa trẻ có bệnh autism trước khi nó chào đời thì thử hỏi đó là điều vui hay buồn?
- Chúng ta sẽ mất gì –Giáo sư nêu thắc mắc- nếu một đứa trẻ bị autism bị loại ra khỏi gia đình và cộng đồng xã hội / nhân loại?

Bài báo cho thấy, theo nhận xét của tổ chức autism quốc gia thì một thử nghiệm cho biết trước đứa trẻ sẽ bị autism có thể đưa lại một số kết quả tích cực tốt là cha mẹ đứa trẻ có thời giờ sửa soạn tâm tư mình hầu tìm phương cách yểm trợ, giúp đỡ, an ủi đứa trẻ khi nó chào đời, hòa nhập với gia đình và cộng đồng xã hội. Ngược lại, ký giả Charlotte Moore đã nêu ra trường hợp của chính bà có hai người con bị autism. Bà cho biết gánh nặng hai đứa con bị autism đã đè nặng chúi lên vai hai vợ chồng bà, cho nên bà sợ rằng một khi thử nghiệm được đưa ra thị trường thì nhiều bà mẹ sẽ cho phá thai khi mà thử nghiệm cho biết con họ bị bệnh autism cũng như trường hợp những đứa con bị hậu chứng Down's vậy.

Tuy nhiên, theo ý kiến của bà, bà sẽ không chủ trương giết con bà. Bởi vì:

- "Cuộc sống của gia đình chúng tôi –bà nói- cũng giàu sang và có ý nghĩa như mọi gia đình khác; cuộc sống của con tôi cũng như của chính chúng tôi cũng không thể vì vậy mà trở nên thê lương khốn khổ được."

Bà kết luận:

- "Một xã hội mà chỉ nhằm vất bỏ đi tất cả những gì khác thường khó chịu làm cho mình bức bối thì không phải là một xã hội mà tôi ước mong sống" [1].

ĐỨA TRẺ KHÔNG BỊ UNG THƯ

Tin đứa trẻ bị autism được loan báo ngay sau khi đứa trẻ đầu tiên tại Anh Quốc chào đời theo cách thụ thai nhân tạo không có di truyền ung thư vú. Theo tường trình của tờ báo Scotsman ngày 10-1-2009 thì một cặp vợ chồng bị bệnh hiểm muộn đã đến Đại Học London để mong có con bằng cách thụ thai nhân tạo. Trong khi thực thi thụ thai, thai phôi đã phải đi qua nhiều tiến trình thử nghiệm xem có chứa di tính / gene ung thư vú không (BRCA1) trước khi cấy phôi đó vào dạ con của người đàn bà.

Bài báo còn cho biết: Di tính ung thư vú của những người đàn bà cho trứng có tỷ lệ là 80% . Ký giả Michaela Aston thuộc cơ quan Đời Sống Bắc Ái đã biểu lộ nỗi ưu tư của bà trên tờ Scotsman:

- "Cơ quan chúng tôi –Bà nói- luôn luôn vui mừng sung sướng mỗi khi hay tin các hài nhi vừa ra đời và hân hoan đón chào trẻ thơ đầu tiên này gia nhập cộng đồng xã hội và thế giới. Tuy nhiên bà cũng không khỏi băn khoăn áy náy về những thai phôi kia đã bị vất bỏ chỉ vì bị coi là có di tính bất thường tàn tật, không có đời sống đáng giá".

- "Chúng ta nên nhớ rằng –Bà tiếp tục lên tiếng- chúng ta còn có nhiều thứ quan trọng và quý giá hơn tất cả những di tính của chúng ta".

Bản tin cũng đánh động mạnh ông W. Saletan, một tay viết có giá của tạp chí quốc gia trên American online. Ngày 14-1-2009 Saletan đã lột trần những lời khoa trương lếu láo của báo chí Đại Học London đưa ra là "*Đứa trẻ đầu tiên tại Anh Quốc được thử nghiệm ung thư vú bằng di tính BRCA1 trước khi cho thụ thai*".

Tuy nhiên, theo Saletan, thì thử nghiệm đã được thực hiện nơi đứa trẻ lúc còn trong tình trạng phôi và đứa trẻ đó là một (1) trong mười một (11) cái phôi được thử nghiệm, trong đó chín (9) cái đã bị vất bỏ. Chỉ còn hai (2) cái được cấy vào bụng người đàn bà, nhưng cuối cùng cũng chỉ có một (1) cái cho kết quả sinh ra đứa trẻ gọi là "đầu tiên" này. Như vậy để có được một đứa trẻ, người ta đã giết chết mất mười (10) đứa

CHƠI CHỮ

Saletan đã mỉa mai: Vậy thì bây giờ chúng ta phải gọi những thử nghiệm đó là thử nghiệm "*tiền thụ thai*", và thai phôi vừa mới đậu là "*tiền phôi*" để người ta dễ chấp nhận nó làm vật thí nghiệm. Lúc đó nghĩa của hai tiếng Thụ Thai[2] cũng được thay đổi.

Như vậy theo kiểu nói / định nghĩa của những người làm thử nghiệm thì nếu ta có sáu cái trứng cấy đậu rồi lại loại bỏ, vất đi khi đã chọn được đứa nhỏ này. Như vậy là trứng đó chưa bao giờ thụ thai, và chúng cũng không phải là những phôi.

Vậy thì giả sử đứa trẻ này được thụ thai tự nhiên và có 50% di tính dị tật. Do đó nếu nó có di tính của người mẹ thì nó sẽ có nguy cơ ung thư vú từ 50% đến 85%. Vấn đề đặt ra là một khi đã khám phá ra được bệnh thì cũng có thể chữa được bệnh chứ tại sao lại hủy bỏ, giết luôn cả con bệnh?

Saletan đã than trời mỉa mai: "*Lựa chọn phôi đã tiến bước xa từ một bệnh trẻ nít nguy hiểm chết người tới bệnh của người lớn có triển vọng chữa trị và sống còn.*"

Việc nghiên cứu để chọn lựa kiểu này hiện đang phát triển rất mạnh và rộng rãi trong dân chúng. Chỉ ít ngày sau khi có tin đứa trẻ đầu tiên được chọn và sinh ra mà không có ung thư vú,

tin trên tờ Scotland Chúa Nhật ngày 18 -1- 2009 đã cho biết là có hàng trăm cặp vợ chồng xin ghi danh để được có con theo ý muốn kiểu này.

Dịch vụ thử nghiệm sẽ được trung tâm sinh sản y khoa Glasgow (GCRM) tung ra thị trường vào khoảng cuối năm nay. Di tính sẽ được thử nghiệm nơi thai phôi là một (1) trong 200 di tính ẩn náu bên trong cơ thể, trong đó có di tính ung thư và cystic fibrosis[3]. Sau khi đã nghiên cứu cẩn thận, bác sĩ chỉ cấy những phôi nào không có di tính bệnh hoạn đặc biệt như ý người muốn. Người đặt hàng sẽ phải trả 5,500 bảng Anh / pounds cho mỗi một vòng thử nghiệm. Cho đến nay dịch vụ này chỉ có ở Anh, chưa thấy có ở phía Bắc biên giới.

Một phát ngôn viên ẩn danh của Giáo Hội Công Giáo ở Scotland đã nói với báo chí: *"Đây tuyệt nhiên không phải là một phương cách chữa bệnh mà chỉ là một hình thức giết người từ trong trứng nước, ngay từ khi sự sống vừa mới xuất hiện. Nó hoàn toàn trái với luân lý đạo đức, không thể chấp nhận được."*

TUỆT DỐC KHÔNG PHANH

Một bài viết về loại thử nghiệm như vậy được làm trên một thai phôi / hài nhi còn trong bụng mẹ đã gây kinh hoàng trong dân chúng vì nạn giết hài nhi chưa được điểm phúc nhìn đời. Tờ Sunday Times ngày 25-1-2009 kể lại những thử nghiệm DNA trong phòng thí nghiệm để tìm di tính người cha được thực hiện ở những đứa trẻ vẫn còn trong bụng mẹ.

Tác giả bài báo cho rằng những loại thử nghiệm như vậy sẽ là cơ hội rất dễ dàng giúp người mẹ giết con mình chỉ vì thử nghiệm cho biết con mình là con ngoại hôn.

Vẫn theo bài viết về DNA này thì dịch vụ thử nghiệm lớn nhất tại Anh Quốc hiện nay đã thực hiện cả 500 thử nghiệm mỗi năm để tìm di tính người cha. Tờ Sunday Times cho biết một số bà yêu cầu làm loại thử nghiệm là để phá thai nếu thử nghiệm cho biết con mình không phải do ông chồng chính thức.

Josephine Quintavalle, sáng lập viên Trung Tâm Bình Luận về Đạo Đức Sinh Sản đã nói: *"Đây là một vấn đề rất đáng lo ngại cần phải quan tâm. Hiển nhiên là khi muốn làm thử nghiệm này là đã chủ tâm có ý phá thai; người đề nghị thử nghiệm cũng là kẻ khuyến khích 'giải pháp' giết người đó vậy".*

Những người đàn bà / bà mẹ muốn làm thử nghiệm để biết di tính của người cha của con mình có lẽ cũng có cùng một tâm trạng với bà Victoria Lambert là người đã viết trên tờ Daily Mail ngày 3 / 5 -1-2009 cảm nghĩ của mình khi phá thai vì đứa nhỏ bị dị tật. Bác sĩ đã khám phá ra con bà lúc mới được 3 tháng bị trisomy 13 hay còn gọi là hậu chứng Patau's[4]. Nhiều đứa trẻ bị bệnh này chết khi vừa sinh ra hay ít lâu sau đó, nhưng có đứa cũng sống được đến tuổi trưởng thành.

Phá thai, giết con -bà viết- vẫn là những ám ảnh để lại trong lòng bà những áy náy sâu muộn khôn nguôi. Nói gọn lại: *"Quyết định của tôi -bà viết- đã đưa tới những hậu quả trầm trọng là hối hận, dẫn vật đã hành hạ cả tâm can lẫn thể xác tôi suốt 9 năm trời".*

Sau đó bà Lambert tiếp tục tả lại quãng đời của bà. Sau lần phá thai đó, ít năm sau bà lại mang thai trở lại, lúc đó bà đã gần 40 tuổi. Nhà thương đề nghị bà thử nghiệm thai nhưng bà đã từ chối. Bà nói:

- Khi tôi quyết định không thử nghiệm thai, dù để xem có phải là hậu chứng Down's hay gì khác, lòng tôi hết lo lắng thắc mắc về đứa con của mình nó sẽ thế nào. Nhưng có điều chắc chắn nó sẽ là con của chúng tôi. Chừng nào nó sinh ra mà còn sống cho dù có bất cứ cái gì không may xảy ra, chúng tôi cũng vẫn có thể đương đầu được".

Bà kết luận:

- Trong khi có nhiều thử nghiệm thai làm các nhà khoa học hứng chí bao nhiêu thì lại càng có nhiều nguy hiểm trầm trọng xảy ra bấy nhiêu. Các thử nghiệm càng đơn giản và dễ thực hiện thì lại càng giúp người ta quyết định giữa sống và chết càng dễ dàng và rồi cũng càng...dễ đi tới ăn năn hối hận..".

KẾT LUẬN:

Điều răn thứ 5 Chúa dạy **"Chớ Giết Người"**. Kẻ sát nhân và những ai cố ý cộng tác với hành vi giết người đều phạm một tội như nhau. Tội giết trẻ thơ,.....cũng là một tội nặng. Những tính toán về giống tốt hoặc về y tế công cộng cũng không thể biện minh cho bất cứ một tội sát nhân nào được, dù nó được nhà cầm quyền ra lệnh hay cho phép. (Sách Giáo lý CG câu 2268).

Nhưng nức cười thay người ta hô hào / chống đối án tử hình cho những kẻ phạm trọng tội nhưng người ta lại đồng ý giết những trẻ thơ vô tội chưa kịp góp tiếng khóc chào đời.

****[1]** Our family life is as rich and as meaningful as any other; my sons' lives are not tragic, and nor is mine...

A society that aims to remove all the variables that make human life so fascinatingly complex is not a society I want to live in.

[2] Thụ Thai (Conception): là sự phối hợp thành công giữa trứng của người nữ với tinh trùng của người nam tạo thành thai phôi trong bụng người đàn bà hay phòng thí nghiệm (trường hợp thụ thai nhân tạo). Phôi đó sẽ từ từ phát triển thành hài nhi, đợi đủ ngày đủ tháng thì sinh hạ chào đời một hài nhi.

[3] Cystic fibrosis (CF, còn gọi là Mucovoidosis hay mucoviscidosis) là một bệnh di truyền kinh niên ảnh hưởng đến các tuyến ngoại tiết của phổi, gan, tụy tạng và ruột khiến bệnh nhân dần dần trở thành tàn tật, bất khả năng vì nhiều cơ quan trong người bị hư hại...

[4] Patau's syndrome (trisomy 13): là hội chứng trong đó người bệnh có dư nhiễm thể 13 làm cho sự tăng trưởng của thai nhi trở nên bất thường. Đứa con dễ bị hội chứng này khi người mẹ mang thai lúc tuổi đã cao, thường là từ 31 trở lên., tương tự trường hợp Down's syndrome hoặc Edward's syndrome.

Fleming Islands, Florida 7-2-2009
NTC

VỀ MỤC LỤC

BÊN CẦU BIÊN GIỚI

Qua phim ảnh, nhất là những cuốn phim mô tả lại các trận tương tranh thời đệ nhị thế chiến, tôi đã được nhìn thấy nhiều biên giới của các quốc gia. Những biên giới đó, có khi là một cây cầu, có khi là một hàng rào dây kẽm gai, có khi là một đồn canh... nhưng tất cả đều mang ý nghĩa của sự phân chia, cách biệt, ý nghĩa của sự giới hạn.

Đối với những người vượt biên, nhất là vượt biên bằng đường bộ, hình ảnh của biên giới là một hình ảnh vừa trông chờ vừa đáng sợ. Nhìn thấy biên giới là nhìn thấy tự do và sự sống, nhưng vượt qua biên giới_là một hành động nguy hiểm, có thể đánh đổi bằng chính sinh mạng của mình.

Riêng tôi, lần đầu tiên nhìn thấy rõ một biên giới thực, là lần tôi viếng thăm Israel vào cuối năm 1989. Một buổi chiều, nhóm chúng tôi được người hướng dẫn đưa đi thăm một vài thắng cảnh có tính chất hách sử. Xe buýt chở chúng tôi đã chạy dọc theo biên giới ISRAEL-YORDAN. Khi nghe người hướng dẫn thông báo, tôi đưa mắt nhìn qua khung cửa sổ quan sát. Đó là một vùng bình nguyên bát ngát, được ngăn ra bởi một hàng rào dây kẽm gai dài hun hút. Xe chúng tôi chạy xa xa, dọc theo hàng rào kẽm gai ấy. Một lớp cỏ xanh ngát mắt phủ trùm lấy vùng bình nguyên rộng. Mọi sự xem ra rất bình yên, nhưng những người biết chuyện cho hay dọc theo biên giới nhân tạo này, Israel đã trang bị một hệ thống ra-đa tối tân, cũng như sẵn sàng một màn lưới an toàn với bom và đại liên, thiết trí ở vị trí bí mật nào đó. Có người còn cho rằng ISRAELI có thể dùng đến cả bom nguyên tử để bảo vệ vùng biên giới (!) Israel đã hành động như vậy, chắc chắn Yordan cũng có những hành động tương xứng.

Khi xe đã qua khỏi vùng biên giới, câu chuyện của mọi người trên xe bắt đầu chuyển sang những đề tài khác. Riêng tôi, hình ảnh biên giới cứ ăn chặt trong đầu không sao gạt bỏ đi được. Tôi vẽ lại trong trí mình màu xanh ngát mắt của thảo nguyên mình vừa chứng kiến. Cây cỏ và màu xanh của nó không hề có biên giới. Cỏ bên này hàng rào và cỏ bên kia hàng rào cùng là một loại, cùng được một thứ mưa, một thứ sương tưới gội, cùng được sưởi ấm chung bằng một thứ nắng, cùng hưởng chung một ngọn gió thổi qua. Hàng rào biên giới không do thiên nhiên dựng nên, nhưng do trí óc, sự quyết định và bàn tay của con người tạo thành. Đó phải chăng là một điều bi thảm?

Con người đã tạo nên rất nhiều biên giới trong khung cảnh thiên nhiên, đã cắt nát mặt trái đất ra làm nhiều mảnh, mà vốn khi mới được tạo dựng, mặt đất ấy được dùng chung cho tất cả mọi người. Không những dựng những biên giới hữu hình trên mặt đất, con người còn dựng lên những biên giới vô hình trên không trung và ngoài biển cả, tạo ra những không phận, hải phận. Cũng như cỏ ở địa giới cùng một loại, một màu, mây trên trời thuộc khu không phận cũng trắng, cũng xanh và cũng bồng bồng trôi nổi như nhau; nước biển ở khu hải phận cũng cùng biếc và cùng mặn giống nhau, thế nhưng mây và nước đã bị phân rẽ bằng một hàng rào tưởng tượng.

Người ta đặt ra rất nhiều luật lệ quốc tế, qui định thế nào mới được bước qua biên giới, thế nào thì không. Qua một biên giới là một màu cờ khác, một thể chế chính trị riêng, một ngôn ngữ và phong tục tập quán khác với ngôn ngữ và phong tục tập quán bên kia biên giới, một chủ thuyết khác một lập trường khác. Xe vẫn đều đều lăn bánh. Hành khách ngủ gà ngủ gật làm cho bầu khí trở nên yên lặng một cách nặng nề. Tôi không ngủ được và hình ảnh biên giới trong óc tôi vẫn không phai nhạt. Tự nhiên tôi nhớ đến những câu hát đẹp và buồn trong bài "Bên cầu biên giới":

**"Ngừng đây soi bóng bên dòng nước lũ,
cầu cao nghiêng dốc trên dòng sông sâu.
Sầu vương theo gió xuôi về cuối trời, .
một vùng đau thương chốn làng cũ quê xưa.
Người đi chưa hết hương sầu lữ thứ.
Hồn theo cánh gió quên tình xa xưa .
Tuổi xanh như lá thu rụng cuối mùa.
Mộng' về đêm đêm khát vừng trán ngáy thơ..."**

Bài hát còn có những câu buồn hơn nữa:

**"...nhưng đường quá xa vời.
Hương đời vẫn mê mãi.
Đời tôi sao vẫn còn biên giới!
Lòng tôi sao vẫn ngừng nơi đâu ?... "**

Và bài hát kết thúc:

"... Mộng bên năm xưa, chỉ là mơ qua. "

Bài hát ấy buồn lắm. Và thường tôi chỉ lẩm bẩm hát nó những khi lòng thấy thật buồn. Đời sống con người quả có nhiều giới hạn, nhiều biên giới. Biên giới giữa quá khứ và hiện tại, giữa hiện tại và tương lai. Biên giới giữa tuổi thanh xuân với tuổi già. Biên giới giữa mơ mộng với thực tế. Biên giới giữa mong ước và sự thật.

Con người còn có những biên giới đương nhiên. Biên giới của tuổi thọ, biên giới của sức khỏe, biên giới của trí hiểu biết và sự thông minh... Bằng nhiều phương cách, con người đã hết sức cố gắng để vượt ra khỏi những biên giới ấy, nhưng dù đã tận lực, con người cũng chỉ có thể nới rộng chút ít chứ không thể phá bỏ được biên giới.

Đó là những biên giới trong một con người. Giữa người này với người khác lại có những biên giới khác nữa. Biên giới của giàu và nghèo, của thông thái và ngu dốt, của địa vị giai cấp, của tự do và nô lệ . Biên giới của ý thức hệ, của chủ thuyết, của quan niệm, của niềm tin. Hình như

những "biên giới bẩm sinh" còn chưa đủ, người ta đã tự dựng lên trong cuộc đời riêng của mình và trong cuộc sống chung của xã hội biết bao nhiêu thứ biên giới khác nữa. Để rồi kết quả con người ai cũng có máu đỏ như nhau, có trái tim giống nhau, có mộng ước như nhau, cùng chung nhau sống kiếp nhân sinh, vậy mà người ta không đến được với nhau, vì giữa người này với người khác đã có những cách ngăn của biên giới. Dựng biên giới trên đất liền, trên không trung, ngoài biển khơi, và dựng biên giới trong lòng người, giữa người với người, hai hành động ấy cũng đâu có khác gì nhau.

Biết bao lần tôi mong ước một cuộc sống không có biên giới, một cuộc sống được giải thoát hoàn toàn khỏi những trói buộc trong chính con người mình và những trói buộc của định chế xã hội. Nhưng càng lớn lên, tôi càng thấy đó là một mong ước không thể đạt được, đúng là "mộng bèn năm xưa chỉ là mơ qua." Ngay một cánh cửa biên giới tôi tự nguyện phá bỏ mà cũng không thực hiện được, đó là biên giới của Tình Yêu. Đôi khi trong trái tim chứa chan lí tưởng của một cuộc sống đi tìm ý nghĩa thực của lòng bác ái, của tâm hồn quảng đại, phục vụ và tự hiến, tôi mong ước và quyết tâm yêu thương tất cả mọi người, yêu người như yêu chính tôi, yêu một cách đồng đều ai cũng như ai, yêu không tính toán, không vụ lợi. Nhưng rồi, cuối cùng tôi vẫn khám phá ra rằng tôi yêu tôi nhiều nhất, yêu những người dễ yêu hơn những người không dễ yêu; yêu, nhưng đôi lúc vẫn tìm sự an toàn, không dám yêu một cách hoàn toàn phục vụ và tự hiến. Trong tình yêu, tôi vẫn tự đặt cho mình một giới hạn, một biên giới. Và tôi cũng cảm thấy lo sợ khi biên giới ấy không được tôn trọng.

Những biên giới của các quốc gia...

Những biên giới của con người...

Những biên giới của cuộc đời...

Đâu đâu tôi cũng nhìn thấy những biên giới: Nếu tìm kiếm một nơi chốn không biên giới, tôi chỉ còn một cách là tìm về với Thượng Đế. Ngài là đấng vô thủy vô chung, không có trước cũng chẳng có sau, nói khác đi Ngài có tự đời đời và tồn tại đời đời. Ngài là đấng toàn năng, khả năng của Ngài vô giới hạn. Chính vì thế công trình tạo dựng của ngài cũng vô giới hạn, vũ trụ Ngài sáng tạo không có biên giới. Ngài là đấng thượng trí, sự thông hiểu của Ngài không có tận cùng. Ngài là đấng toàn chân, bởi vì Ngài chính là chân lí tuyệt đối- Ngài là đấng chí thiện, sự tốt lành của Ngài không có bến bờ. Ngài là đấng toàn mỹ, vẻ đẹp của Ngài tuyệt diệu. Và cuối cùng, Ngài là đấng toàn ái, Tình Yêu của Ngài mệnh mông chan chứa. Ngài yêu tôi và yêu mọi người từ thuở đời đời khi chưa có con người. Con Một Ngài yêu tôi, đã xuống trần làm kiếp con người để thông cảm với kiếp người của tôi. Và Ngài đã cứu tôi khỏi chết bằng chính cái chết của Ngài. Ngài cho tôi tất cả, kể cả giọt máu cuối cùng trong thân thể Ngài.

Tôi thích thánh ca của Thành Tâm, nhưng cũng có một vài bài tôi cho là có lời ca gượng ép và hơi... cái lương. Ông có câu hát: *"Nhưng con tin nơi Chúa, Chúa thương con nhiều, tình không biên giới..."* Cái đoạn *"tình không biên giới"* đó trước đây tôi vẫn cho là có tính chất... cái lương. Nhưng bây giờ, tôi thấy nó không cái lương nữa. Tác giả, trong lúc viết câu ấy, có lẽ đã thấy rất rõ cái biên giới hữu hạn của tình yêu con người dành cho nhau, và ông tuyên xưng rằng chỉ có tình Chúa dành cho con người mới là thứ *"tình không biên giới"*

Từ đó, mỗi lần hát bài *"Bên cầu biên giới"*, để kết thúc bằng câu *"Mộng bèn năm xưa chỉ là mơ qua"*, tôi lại bắt sang bài *"Xin Ngài thương con"* và hát đi hát lại mãi câu: *"Nhưng con tin nơi Chúa, Chúa thương con nhiều, tình không biên giới..."*

Nhà Văn Quyên Di

VỀ MỤC LỤC

Đào sâu và thực hành đặc sủng và linh đạo dòng

BẢN THẢO

NGƯỜI NỮ TU SỐNG TU ĐỨC TOÀN DIỆN

tác giả: Lm. Micae-Phaolô Trần Minh Huy pss

LỚP THẦN HỌC LIÊN TU SĨ - TÒA GIÁM MỤC BÙI CHU (2008 - 2009)

Chương I : Đào sâu và thực hành đặc sủng và linh đạo dòng

I. NHẬN ĐỊNH

(Câu chuyện MỘT NỬA CỦA TÁM)

Hơn bao giờ hết, tính tham gia, liên đới hợp tác và cộng đồng đồng tiến ngày càng gia tăng và phát triển. Đó là một nét son của thời đại chúng ta. Và thật tuyệt vời việc các lãnh đạo Giáo Hội và các Dòng Tu mở ra các trường lớp, các khóa đào tạo tu sĩ liên Dòng, vừa do thiếu nhân sự đào tạo được chuẩn bị chu đáo riêng ở mỗi Dòng, vừa do kế hoạch của thẩm quyền nhằm để các tu sĩ có thêm nhiều cơ hội giao lưu, học hỏi lẫn nhau và cộng tác với nhau, ước mong việc phục vụ dưỡng giáo và truyền giáo được hiệu quả hơn trong một Giáo Hội và Thế giới ngày càng đi vào hướng toàn cầu hóa.

Những trường lớp và khóa học này hẳn luôn cố gắng dẫn dắt các học viên đi sâu vào những gì là cơ bản của giáo huấn của Giáo Hội về những nét chung nhất của đời sống thánh hiến, làm cho nó được tăng triển và đáp ứng phù hợp với những đòi hỏi và mong đợi của thời đại. Các tu sĩ các Dòng Tu khác nhau trở nên hòa đồng, thân thiện và cộng tác với nhau dễ dàng hơn trong công việc chung. Phẩm chất của các tu sĩ cũng được nâng cao và thăng tiến hơn vì vừa học hỏi được cái hay cái tốt của người, vừa nhắc nhở nhau nêu cao thanh danh của Dòng mình.

Các lợi ích thật lớn lao, nhất là về mặt kiến thức, vì đội ngũ giảng huấn vừa đông và đa dạng, vừa có nhiều khả năng và chuyên môn hơn. Tuy nhiên chúng ta không bằng lòng dừng lại đó, coi như vậy là đủ. Vì nếu chỉ có việc đào tạo chung đó từ Nhà Thờ, Nhà Tập, và Học viện thì chúng ta sẽ có một mẫu tu sĩ chung chung, Dòng nào cũng như Dòng nào, thiếu đi chiều sâu của những nét độc đáo riêng biệt, khiến một số tu sĩ trẻ hoang mang như mất hướng vì chưa được đâm rễ sâu vững chắc vào đặc sủng và linh đạo của Dòng mình, là những yếu tố làm cho mình càng gắn bó với Dòng, và Dòng càng ngày càng đầy sức sống.

Vì thế, trước khi tham gia vào các trường lớp và khóa học chung này, mỗi Dòng cần nỗ lực làm cho các ứng sinh và thành viên trẻ của mình đào sâu và thực hành đặc sủng và linh đạo của Dòng mình, ít ra là đào tạo song song. Cánh đồng chỉ trồng một loại hoa có nét đẹp của nó, nhưng một bó hoa với nhiều loại hoa thì nét đẹp càng phong phú và quý giá hơn.

Nếu được so sánh, chúng ta có thể so sánh việc đào sâu và thực hành đặc sủng và linh đạo của mỗi Dòng như là nền móng (hạ tầng cơ sở), và việc đào tạo liên Dòng như ngôi nhà đẹp đẽ (thượng tầng kiến thiết). Chúa Giêsu đã coi trọng việc xây nhà trên móng đá vững chắc.

Công việc này là bổn phận và trách nhiệm của mỗi Dòng, đặc biệt là của Bề Trên và các người phụ trách việc đào tạo ở trong Dòng. Các ứng sinh có quyền được đòi hỏi sự dẫn dắt đào sâu đặc sủng và linh đạo của Dòng, đồng thời được quyền nhìn thấy gương sáng thúc đẩy từ các thành viên khác trong việc thực hành sống đặc sủng và linh đạo của Dòng.

II. ĐÀO SÂU VÀ SỐNG ĐẶC SÚNG VÀ LINH ĐẠO DÒNG

1. Đặt vấn đề

Để đào sâu và sống đặc sủng và linh đạo của Dòng, trước hết xin chị em cố gắng trao đổi với nhau và tìm ra câu trả lời cho các vấn nạn sau đây, dưới sự hướng dẫn của những người có trách nhiệm trong Dòng. Tôi xin thú nhận rằng tôi không thể biết rõ đặc sủng sáng lập và linh đạo mỗi Hội Dòng của chị em; tôi chỉ nêu lên nhu cầu và nguyên tắc để chính chị em đào sâu và thực hiện, và như thế sẽ lợi ích hơn cho chính chị em. Xin Chúa Thánh Thần soi sáng, dẫn dắt và cùng làm việc với chị em.

a. Các vấn nạn liên quan việc sáng lập Dòng

- Có những Dòng lâu đời, có những Dòng mới được sinh ra trong thời đại chúng ta.
- Ai thực sự là vị sáng lập của chúng ta? Có những loại sáng lập viên khác nhau không? (Sáng lập, đồng sáng lập, cải tổ...)

- Đặc sủng của vị sáng lập cũng là đặc sủng của Dòng. Đây là những đặc điểm chính yếu của đặc sủng sáng lập?
- Ta phải tìm lại các dấu vết của thời kỳ đầu của Dòng và các vấn đề của nó. Mục đích, kế hoạch của vị sáng lập có được đạt tới không? Tại sao và như thế nào?
- Chúng ta hiểu thế nào sự trung thành và chính xác đối với đặc sủng của chúng ta?
- Đặc sủng và linh đạo hiện nay của Dòng có đúng là đặc sủng và linh đạo do vị sáng lập truyền lại không? "Chúng ta cần tiếp tục biện phân lòng trung thành của chúng ta với ý hướng sáng lập và linh hứng trung thực của vị sáng lập của chúng ta" (JP II)
- Chúng ta phải bảo tồn và hiện tại hóa các tư tưởng sâu xa của đặc sủng nguyên thủy của chúng ta và căn tính linh đạo của chính chúng ta.
- Các Dòng cũ được tái lập khi họ trung thành với cội nguồn đặc sủng và linh đạo của họ.
- Đặc sủng của chúng ta chỉ dành riêng cho đời sống thánh hiến thôi hay cho mọi hình thức đời sống công giáo?
- Đây là vai trò của một hình thức sống cá biệt trong một đặc sủng tông đồ?
- Đây là vai trò của hoạt động tông đồ trong một đặc sủng chiêm niệm?

b. Các vấn nạn liên quan việc tái lập Dòng

- Phải nhìn lại hoàn cảnh quá khứ của Dòng trong bối cảnh của Giáo Hội lúc đó và hiện nay.
- Chúng ta làm thế nào để tránh cho ngọn lửa Thánh Thần đã đốt cháy trong Dòng chúng ta khỏi bị suy tàn?
- Nếu ngọn lửa đặc sủng này bị suy tàn, chúng ta làm gì để làm cho nó hồi sinh? "Cái tồi tệ nhất không phải là có một linh hồn xấu xa, nhưng là có một linh hồn chỉ theo lẽ thói hằng ngày" (Charles Péguy)
- Giữa chúng ta có ơn nói tiên tri, đặc sủng, thần trí, thị kiến không?
- Chúng ta có thoát ra khỏi mơ mộng cách dễ dàng? Các tư tưởng mới có mâu thuẫn với những tư tưởng truyền thống và phong tục?
- Các Dòng không cố giữ độc quyền Thần Trí dường như không có Dòng nào khác ngoài Dòng của họ.
- Những ai được là "những con người thiêng liêng" ngày nay? Những ai thực sự là người của Chúa Thánh Thần?
- Tình trạng hỗn mang cần Thần Khí sáng tạo: "Lạy Chúa Thánh Thần, xin ngự đến" trên các tình trạng lộn xộn ngày nay.
- Thời gian cần cho tính sáng tạo. Những điều kiện cho một cuộc sáng tạo mới: "*Thần Khí Chúa sẽ nhập vào ông, ông sẽ lên cơn xuất thần ngôn sứ cùng với họ, và ông sẽ biến thành một con người khác*" (1Sm 10,6).
- Chúng ta đang ở trong thời đại toàn cầu hóa. Sự đổi chỗ của những đặc sủng phong phú được ban ra hết chỗ này đến chỗ nọ: sự giàu có của các quốc gia.
- Do sự hội nhập văn hóa, một tâm thức mới được phát sinh. Các Dòng tu của chúng ta có tính cách quốc tế hơn và ít tập trung hơn trong phạm vi nhỏ hẹp.

TỰ VẤN:

- Cái gì đáng quan tâm và quan trọng hơn trong Dòng của chị em: Tìm đào sâu sự hiểu biết tốt hơn đặc sủng sáng lập hay tìm lại đặc sủng sáng lập trong một bối cảnh mới?

- Những thách đố chính yếu nào liên quan đến đặc sủng và linh đạo mà Dòng chị em phải đối đầu trong thời đại chúng ta?
- Đặc tính nào của xã hội chúng ta ngày nay có tính cách thách đố nhất?

2. Định nghĩa đặc sủng

“Khi một người đi vào một căn phòng, người ta quay đầu lại và những ai thiếu hấp dẫn cố gắng đến gần người ấy. Họ mong được vui thú với người ấy, lôi kéo sự chú ý của người ấy, kể cả đụng chạm đến người ấy. Khi con người hấp dẫn ấy đến gần, con tim bị kích thích quá mức. Dân chúng nghĩ rằng sự hấp dẫn này sẽ đưa đến thành công trong công việc và tình yêu. Ở Tây phương, chúng tôi định nghĩa và giải thích sự hấp dẫn từ tính này như là “đặc sủng”

Đặc Sủng nghĩa là gì? Đó là một quà tặng của Thiên Chúa được tháp nhập vào một người bởi sự phú bẩm tự nhiên. Đặc sủng không được thủ đắc bằng bất cứ phương tiện nào khác ngoài việc nhận lãnh từ Thiên Chúa. Đặc sủng này chỉ được phát triển khi mầm móng đã có sẵn nhưng vẫn ngủ yên và có thể được đánh thức bởi phương tiện khổ hạnh hay phương tiện khác.

Đặc điểm của đặc sủng là một phẩm tính phi thường của một người. Sức mạnh của đặc sủng tôn giáo chính yếu được mạc khải bởi sự thể hiện cuộc biến đổi đời sống con người. Đặc sủng là một sức mạnh cách mạng của lịch sử vì đặc sủng có thể tạo nên một trật tự mới ở trong thế giới.

Khi đặc sủng nguyên thủy bị thay thế bởi luật sống mỗi ngày thì tiến trình làm cho đặc sủng trở nên quen thuộc được bắt đầu. Việc làm cho đặc sủng trở nên quen thuộc có ba hướng:

Đặc sủng thừa kế: Đặc sủng có thể được chuyển giao qua việc thừa kế tiếp nối. Đặc sủng có thể được biến đổi từ tính chất nghịch lại truyền thống thành một vật của truyền thống. Trong tiến trình này, nền tảng của quyền bính được triệt để thay đổi từ niềm tin vào tính chất cá nhân của đặc sủng thành sự thánh thiện của truyền thống đang hiện hữu. Như thế, đặc sủng được truyền thống hóa và trở thành đặc sủng thừa kế. Quyền bính được thánh hoá nhờ truyền thống hay niềm tin vào con người của vị tiên tri.

Đặc sủng với kỹ năng đặc biệt: Đặc sủng có thể được cá nhân đón nhận nhờ các phương pháp như khổ chế, chiêm niệm. Đặc sủng trở thành một mục đích được hợp lý hóa của cuộc sống thường ngày. Các đặc tính đặc sủng như xuất thần và các khả năng thị kiến của pháp sư, phù thủy, ngôn sứ, khổ hạnh và hồn linh đủ loại không thể bất cứ ai cũng đạt được. Liên minh các đồng bóng, hồn linh vô danh, những tín hữu khổ hạnh thời xưa, những người mộ đạo quá đáng... xét về mặt xã hội học, rõ ràng là những “giáo phái”

Đặc sủng phận vụ: Đặc sủng phận vụ là “niềm tin vào tình trạng đặc biệt của ân sủng của một cơ chế.” Nó dựa trên niềm tin tưởng rằng tính chất đặc sủng không thể được chuyển giao qua những phương tiện giả tạo, ma thuật. Việc biến đổi thành đặc sủng phận vụ hoàn tất việc làm mất tính cách cá nhân của đặc sủng, nghĩa là sự tách biệt giữa tính cách cá nhân và phận vụ chức năng. Vậy niềm tin vào tính chức năng đặc sủng của phận vụ thay thế niềm tin vào mạc khải của tính cá nhân của đặc sủng. Nơi đây đặc sủng trở thành một phần của một cơ chế đã được thiết lập như cơ cấu thường xuyên với những truyền thống đã được hình thành.

3. Vị Sáng Lập và Đặc Sủng Sáng Lập

a. Ai là vị sáng lập?

Lắm khi họ xuất hiện trong các xã hội truyền thống như những con người không thỏa mãn với các cơ cấu tôn giáo và chính trị, và cố gắng khơi lên ngọn lửa đặc sủng: thi sĩ, triết gia, anh hùng, ngôn sứ, thánh nhân, nhà suy tưởng...

Có thể nói vị sáng lập giống như vị tiên tri, tức là một cá nhân đặc biệt có sứ mệnh loan báo một giáo huấn tôn giáo hay mệnh lệnh thần linh. Tiên tri công bố những mạc khải mới do đặc sủng của họ. Tiên tri như nhà ma thuật thi thố quyền năng do các ân ban cá nhân của mình, nhưng lại không như nhà ma thuật, vì tiên tri công bố các mạc khải có ý nghĩa, và

nhiệm vụ của tiên tri là dạy dỗ hay kết án.

Như những người theo một tiên tri gắn bó hơn với con người hay với giáo huấn của tiên tri, các vị sáng lập cũng có các đồ đệ như vậy.

Một người “canh tân tôn giáo” mạc khải một ý nghĩa mới trong một mạc khải cũ, có thật hay giả tưởng, trong khi một nhà “sáng lập tôn giáo” mang lại những mạc khải hoàn toàn mới.

Đào tạo một cộng đoàn tôn giáo mới không phải là kết quả lời loan báo của một tiên tri. Nó có thể được sản xuất ra do các hoạt động của những người cải cách không phải là tiên tri.

Như trong tình yêu, việc phải lòng yêu thiết lập một hệ thống của khác biệt và trao đổi: Nó phân chia cái đã được kết hợp và kết hợp cái đã bị phân chia. Điều tương tự cũng xảy ra với đặc sủng. Một vị sáng lập dẫn dắt dân chúng từ tình trạng chán nản đến tình trạng khởi đầu tươi sáng, từ bạo lực để thoát khỏi tình trạng trước và tình yêu nhục dục đến việc tìm kiếm một tình trạng mới tốt đẹp hơn. Trong tình trạng mới, bốn phận và thú vui gặp nhau. Tình trạng khởi đầu mở màn việc thiết lập các cơ cấu.

Viễn ảnh pháp lý: là một người đã khai tâm cho một tổ chức đã được thiết lập hay thiết lập một tổ chức dựa trên những nguyên tắc bền vững.

Trước Vatican II: Bộ Phụng Tự Thánh năm 1947 đã nghiên cứu các “dấu chỉ được đòi hỏi nơi một người mà Giáo Hội nhìn nhận như vị sáng lập của một Dòng Tu”

Sau Vatican II: Xây dựng lại đời sống của vị sáng lập ; Các sự kiện lịch sử chung quanh buổi khởi đầu của Dòng; Việc xem xét một gia đình tu mới được thành lập lại “ex novo” ; Có thể vị sáng lập đã lấy một luật đã được phê chuẩn trước và đưa vào trong một Hiến pháp mới và đặc thù; Có thể họ là người đồng sáng lập; Sự phê chuẩn của thẩm quyền chính thức.

b. Các phương thức sáng lập khác nhau:

- Sáng tạo nên một gia đình tu trì “ex novo”, có mục đích và luật lệ của chính mình (Basil, Benedict, Francis, Ignatius...);
- Lấy một luật đã được phê chuẩn như là nền tảng, rồi thay đổi nó thành một hiến pháp riêng hầu sáng tạo một gia đình mới (thánh Romuald Camaldoli, thánh Bruno);
- Lấy ý tưởng từ một người khác rồi đem ý tưởng đó ra thực hiện (thánh Jane Frances Fremiot de Chantal từ thánh Francis de Sales).

c. Đặc sủng sáng lập

Đặc sủng sáng lập và lãnh đạo đặc sủng:

- Kinh nghiệm nội tâm của lãnh đạo đặc sủng hay sự sáng lập.
- Các phẩm tính cá nhân của vị sáng lập: thân thể, tâm lý, lý do tình cảm, linh đạo...
- Ơn gọi và mạc khải
- Cộng đoàn tập trung
- Thiên tài của Thần Khí? “Một người thánh thiện là một con người tội lỗi đã trải nghiệm lòng thương xót của Chúa” (Paul Tillich): Mary Ward, Têrêsa Giêsu Jesus, Têrêsa Lisieux, Têrêsa Calcutta, Edit Stein, Benedict, Francis, Dominic, Ignatius... họ là những “thiên tài”

d. Các loại đặc sủng

- Các đặc sủng cá nhân: mỗi người có đặc sủng của chính mình
- Các đặc sủng của đôi vợ chồng: hai người cùng một đặc sủng, hôn nhân công giáo
- Các vị sáng lập Dòng

- Các đặc sủng cộng đoàn: nhiều người chia sẻ cùng một đặc sủng, trong đời sống thánh hiến, trong phong trào giáo dân.
- Đặc sủng sáng lập: các ân ban được chia sẻ bởi các anh chị em.
- Các đặc sủng của vị sáng lập: Phân biệt giữa các loại khác nhau của các sáng lập viên (JMR Tillard); đặc sủng của vị khởi đầu và đặc sủng được truyền lại của Dòng tu (Teresa Ledóchowska).
- Đặc sủng của vị sáng lập: khai tâm, tính sáng tạo... Người mang đặc sủng này là vị sáng lập.
- Các đặc điểm của đặc sủng của vị sáng lập theo "Mutuae Relationes" (MR 11): Kinh nghiệm về Thần Khí, được truyền lại, lớn lên với những nét đặc biệt, qua cung cách và truyền thống.
- Sự truyền lại của đặc sủng sáng lập: Đặc sủng được truyền lại thành gia đình linh đạo với Luật và Hiến pháp diễn tả Con đường Phúc Âm, để hiểu và sống các Mầu nhiệm Thiên Chúa, Giáo Hội, Thế giới, Xã hội, Lịch sử.

4. Chúa Thánh Thần: Nguồn Sống và Đặc Sủng

a. Nguồn sống (St 1,1): Từ hỗn mang, vực thẳm, nước nguyên sơ được Ruah tác động và Thiên Chúa sáng tạo muôn vật từ sự sung mãn của Ngài: *"Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước"* (St 1,1)

Sự siêu việt của Thiên Chúa Cha không có hình tượng, trong khi Chúa Giêsu gần gũi với chúng ta, giống như chúng ta, còn Chúa Thánh Thần (Ruah) gần gũi với chúng ta, nhưng trong mầu nhiệm, không có hình tượng. Ruah của Thiên Chúa là sức mạnh nhiệm mầu, đầy quyền năng, đôi khi khủng khiếp, gió, cuồng phong, bão tố, lụt bão... với ơn linh hứng, nhiệt huyết, khí lực sinh tử và sức mạnh sáng tạo.

b. Những biểu hiện đặc sủng của Thánh Thần

"Bây giờ thưa anh chị em, tôi không muốn để anh chị em chẳng hay biết gì về các ân huệ thiêng liêng. Anh chị em biết rằng khi còn là dân ngoại, anh chị em bị lôi cuốn lầm lạc mà thờ các ngẫu tượng câm. Vì thế, tôi muốn anh chị em hiểu rằng chẳng có ai ở trong Thần Khí Chúa mà lại nói "Giêsu đáng nguyên rủa" và cũng chẳng ai nói được "Giêsu là Chúa" mà không do Thánh Thần" (1 Cor 12, 1-3).

"Có nhiều ân sủng khác nhau nhưng chỉ có một Thần Khí; có nhiều việc phục vụ khác nhau nhưng chỉ có một Chúa; và có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa làm mọi sự trong mọi người" (1Cor 12, 4-6).

"Mỗi người được Thần Khí tỏ ra một cách khác nhau vì ích chung: Người thì được Thần Khí ban cho ơn khôn ngoan để giảng dạy, người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày. Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh. Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri; kẻ thì được ơn phân định thần khí; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ. Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người (1Cor 12, 7-11).

"Bây giờ anh chị em là thân thể Đức Kitô và mỗi người là một bộ phận của thân thể đó" (1 Cor 12, 27). "Như thân thể là một nhưng có nhiều chi thể, và các chi thể của thân thể tuy nhiều nhưng vẫn là một thân thể, thì Đức Kitô cũng vậy. Trong cùng một Thần Khí, tất cả chúng ta đều được thanh tẩy trong cùng một thân thể, dù là Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, và tất cả chúng ta đều được ống trong cùng một Thần Khí" (1 Cor 12,12-13).

"Thật vậy, thân thể gồm nhiều bộ phận, chứ không phải chỉ có một mà thôi. Giả như chân có nói: "Tôi không phải là tay, nên tôi không thuộc về thân thể", thì cũng chẳng vì thế mà nó không thuộc về thân thể. Giả như tai có nói: "Tôi không phải là mắt, vậy tôi không thuộc về thân thể", thì cũng chẳng vì thế mà nó không thuộc về thân thể. Giả như toàn thân chỉ là mắt, thì lấy gì mà nghe? Giả như toàn thân chỉ là tai, thì lấy gì mà ngửi?

Nhưng Thiên Chúa đã đặt mỗi bộ phận vào một chỗ trong thân thể như ý Người muốn. Giả như tất cả chỉ là một thứ bộ phận, thì làm sao mà thành thân thể được? Như thế, bộ phận tuy nhiều mà thân thể chỉ có một. Vậy mắt không có thể bảo tay: "Tao không cần đến mày"; đầu cũng không thể bảo hai chân: "Tao không cần chúng mày."

Hơn nữa, những bộ phận xem ra yếu đuối nhất thì lại là cần thiết nhất; và những bộ phận ta coi là tầm thường nhất, thì ta lại tôn trọng hơn cả. Những bộ phận kém trang nhã, thì ta lại mặc cho chúng trang nhã hơn hết. Còn những bộ phận trang nhã thì không cần gì cả. Nhưng Thiên Chúa đã khéo xếp đặt các bộ phận trong thân thể, để bộ phận nào kém thì được tôn trọng nhiều hơn. Như thế, không có chia rẽ trong thân thể, trái lại các bộ phận đều lo lắng cho nhau. Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau. Nếu một bộ phận nào được vẻ vang, thì mọi bộ phận cũng vui chung.

Vậy anh em, anh em là thân thể Đức Ki-tô, và mỗi người là một bộ phận. Trong Hội Thánh, Thiên Chúa đã đặt một số người, thứ nhất là các Tông Đồ, thứ hai là các ngôn sứ, thứ ba là các thầy dạy, rồi đến những người được ơn làm phép lạ, được những đặc sủng để chữa bệnh, để giúp đỡ người khác, để quản trị, để nói các thứ tiếng lạ. Chẳng lẽ ai cũng là tông đồ? Chẳng lẽ ai cũng là ngôn sứ, ai cũng là thầy dạy sao? Chẳng lẽ ai cũng được ơn làm phép lạ, ai cũng được ơn chữa bệnh sao? Chẳng lẽ ai cũng nói được các tiếng lạ, ai cũng giải thích được các tiếng lạ sao? (1 Cor 12, 14-30).

c. TÌNH YÊU, đặc sủng tuyệt vời:

Tính vượt trội của tình yêu trên mọi đặc sủng: "Giả như tôi có nói được các thứ tiếng của loài người và của các thiên thần đi nữa, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng khác gì thanh la phèng phèng, chũm choẹ xoang xoảng. Giả như tôi được ơn nói tiên tri, và được biết hết mọi điều bí nhiệm, mọi lẽ cao siêu, hay có được tất cả đức tin đến chuyển núi dời non, mà không có đức mến, thì tôi cũng chẳng là gì. Giả như tôi có đem hết gia tài cơ nghiệp mà bố thí, hay nộp cả thân xác tôi để chịu thiêu đốt, mà không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi" (1 Cor 13, 1-3).

Các đặc điểm của đặc sủng Tình yêu:

"Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật" (1 Cor 13,4-6)

"Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả. Đức mến không bao giờ mất được. Ôn nói tiên tri ư? Cũng chỉ nhất thời. Nói các tiếng lạ chẳng? Có ngày sẽ hết. Ôn hiểu biết ư? Rồi cũng chẳng còn. Vì chưng sự hiểu biết thì có ngần, ôn nói tiên tri cũng có hạn. Khi cái hoàn hảo tới, thì cái có ngần có hạn sẽ biến đi. Cũng như khi tôi còn là trẻ con, tôi nói năng như trẻ con, hiểu biết như trẻ con, suy nghĩ như trẻ con; nhưng khi tôi đã thành người lớn, thì tôi bỏ tất cả những gì là trẻ con. Bây giờ chúng ta thấy mờ mờ như trong một tấm gương, mai sau sẽ được mặt giáp mặt. Bây giờ tôi biết chỉ có ngần có hạn, mai sau tôi sẽ được biết hết, như Thiên Chúa biết tôi. Hiện nay đức tin, đức cậy, đức mến, cả ba đều tồn tại, nhưng cao trọng hơn cả là đức mến" (1 Cor 13, 7-13)

Đặc sủng tiên tri và ngôn ngữ

"Anh em hãy cố đạt cho được đức mến, hãy khao khát những ơn của Thần Khí, nhất là ơn nói tiên tri. Thật vậy, kẻ nói tiếng lạ thì không nói với người ta, nhưng là nói với Thiên Chúa, bởi vì chẳng ai hiểu được: nhờ Thần Khí, kẻ ấy nói ra những điều nhiệm mầu. Còn người nói tiên tri thì nói với người ta để xây dựng, để khích lệ và an ủi. Kẻ nói tiếng lạ thì tự xây dựng chính mình; người nói tiên tri thì xây dựng Hội Thánh. Tôi muốn cho tất cả anh em nói các tiếng lạ, và nhất là tôi muốn cho anh em nói tiên tri. Người nói tiên tri thì cao trọng hơn người nói các tiếng lạ, trừ phi người này giải thích để xây dựng Hội Thánh" (1 Cor 14,1-5).

5. Tư cách lãnh đạo đặc sủng của Chúa Giêsu

Chúa Giêsu là chìa khóa để hiểu tất cả các hiện tượng tiên tri và đặc sủng. Tân Ước gọi Chúa Giêsu là "Đấng khơi nguồn sự sống" (Cvtd 3,15); "Thủ lãnh và Đấng cứu độ" (Cvtd 5,31), nghĩa là Đấng sáng lập, tác giả, lãnh đạo, lãnh đạo ngoại hạng. Chúa Giêsu đã mở ra cho chúng ta con đường sống mới. Đúng vậy, Tông đồ Phêrô đã nói với dân chúng: "Anh em

đã giết tác giả sự sống” (Cvtd 3,15), nhưng “Thiên Chúa đã tôn dương Ngài lên bên hữu mình như Người Lãnh đạo và Đấng Cứu Độ” (Cvtd 5,31)

“Quả thế, Thiên Chúa là nguồn gốc và cùng đích mọi loài, chính vì muốn đưa muôn vàn con cái đến vinh quang, nên Ngài đã làm một việc thích đáng là cho Đức Giêsu trải qua gian khổ mà trở thành vị lãnh đạo thập toàn dẫn đưa họ tới nguồn ơn cứu độ” (Dt 2,10).

“Đức Giê-su và các môn đệ đang trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Người dẫn đầu các ông. Các ông kinh hoàng, còn những kẻ theo sau cũng sợ hãi. Người lại kéo riêng Nhóm Mười Hai ra, và bắt đầu nói với các ông về những điều sắp xảy đến cho mình: “Này chúng ta lên Giê-ru-sa-lem và Con Người sẽ bị nộp cho các thượng tế và kinh sư. Họ sẽ lên án xử tử Người và sẽ nộp Người cho dân ngoại” (Mk. 10,32-33)

Chúa Giêsu là một Ông Chủ, một vị Thầy, chứ không phải là một người viết. Ngài dạy mặt đối mặt: truyền khẩu, với biệt tài dùng dụ ngôn, gương mẫu, điều bộ, tư tưởng ẩn dụ. Ngài qui tụ đàn ông đàn bà làm môn đệ, lôi họ ra khỏi thói thường cuộc sống, quyến rũ họ bằng những đòi hỏi mãnh liệt của Ngài, nên con số các môn đệ được tuyển chọn chỉ có giới hạn. Một số người đổ kỵ, ghen ghét Chúa Giêsu. Họ không có thể đi theo Ngài vì sự giả hình của họ. Ngay cả giữa các môn đồ cũng có ghen ghét và đổ kỵ. Ngài có một bài giảng tuyệt vời về tình yêu vì Ngài đã trải nghiệm lòng thù hận trong thế giới.

Sự hấp dẫn của Chúa Giêsu: Dân chúng nghèo khổ được Chúa Giêsu lôi cuốn. Sự hấp dẫn ấy vẫn theo Ngài lên trên thập giá: “Khi Ta bị treo lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người lên cùng Ta” (Ga 12,32); đặc sủng của Chúa Giêsu trên thập giá bộc lộ lòng khao khát giải thoát nhân loại.

Nguồn suối sự hấp dẫn của Chúa Giêsu: Nhân tính của Ngài: sự phong phú nhân bản; Người yêu dấu, Người được Thánh Thần xúc dầu; Sự sống lại: tin vào sự hiện diện thường xuyên của Chúa Giêsu. Giáo Hội được sinh ra từ đặc sủng của Chúa Giêsu: Chúa Giêsu có tất cả mọi nét chính của một lãnh đạo đặc sủng. Những người tin vào Chúa Giêsu được phân tán khắp nơi trong Đế quốc Roma. Và ngày nay, con người chịu đóng đinh chết trên thập giá ấy vẫn tiếp tục lôi cuốn và lãnh đạo vô vàn người đi theo và sẵn sàng sống chết cho Ngài, trong khi tiếp tục sứ mạng của Ngài.

Chúa Giêsu không phải là người sáng lập đời sống thánh hiến, nhưng Ngài sống như một tu sĩ của Thiên Chúa, và cộng đoàn tông đồ của Ngài, rồi cộng đoàn tín hữu kitô đầu tiên đã trở nên nguồn gốc và mẫu gương của đời sống thánh hiến, mà Ngài là nhà lãnh đạo đặc sủng bậc nhất.

Tự vấn:

- Chị có ý thức về đặc sủng của chính chị không? Chị có bầu khí thích hợp để phát triển đặc sủng của mình không?
- Chị có phải từ bỏ vài khía cạnh nào đó của đặc sủng riêng của chị để hội nhập vào đặc sủng của Dòng không?
- Loại thân thể nào được hình thành trong nhóm của chị? Sức mạnh đặc sủng tình yêu ở giữa chị em là gì?

6. Chúng ta là những đồ đệ anh dũng

- Dù nhần nại và độ lượng, chúng ta không chấp nhận sự thất bại cuối cùng.
- Chúng ta không nhắm lấy bất cứ cái gì làm của riêng, khi bước theo một vị lãnh đạo mà mục tiêu là bảo vệ người yếu và bị áp bức.
- Để bảo vệ ý thức bẩm sinh về nhân phẩm, người môn đệ được chuẩn bị hiến dâng cả mạng sống mình cách vui vẻ.
- Là những người theo Chúa Giêsu, chúng ta không chấp nhận sự lãnh đạo nào khác sự lãnh đạo của Ngài.
- Không ai xứng đáng thay thế tư cách lãnh đạo của Chúa Giêsu, mà chỉ trở nên người đại diện cho Đấng Lãnh Đạo và là Chúa duy nhất.

- Chúa Giêsu là cục nam châm thường hằng, các lãnh đạo kitô khác giống như từ trường.
- Mỗi đặc sủng trong Giáo Hội diễn tả các khía cạnh khác nhau của đặc sủng của Chúa Giêsu.
- Trước hết và trên hết, chúng ta đi theo Chúa Giêsu, Đấng đã chết và sống lại vì phần rỗi của chúng ta.
- Chúng ta sống với Mẹ Maria như kiểu mẫu và nhà hướng đạo của chúng ta.
- Chúng ta đi theo các vị sáng lập thánh thiện của chúng ta, là những đấng đã từ bỏ mọi sự để theo Chúa Giêsu qua chọn lựa của họ đứng về phía người nghèo.
- Chúng ta theo các dấu chân của các cộng đoàn đầu tiên của chúng ta đã cùng với các vị sáng lập hy sinh đời mình vì Nước Thiên Chúa.
- Các giá trị này là nguồn cam kết đời sống thánh hiến chứng nhân vui tươi và hạnh phúc của chúng ta.

III. NHỮNG GIAI ĐOẠN NẪN ĐÚC CĂN TÍNH TU SĨ

1. Ứng sinh sẵn sàng được đào tạo

(Suy niệm từ Giêrêmia 18,1-6)

Tôi là cục đất sét. Từ ban đầu khi Chúa tạo dựng mặt đất, tôi đã có đó như một phần của vũ trụ bao la mà Chúa đã hình thành. Tôi hài lòng có mặt ở đó đơn giản chẳng có hình hài chi, nhưng người thợ gốm đến và lấy tôi ra khỏi mặt đất. Ông phơi khô tôi, nghiền tán tôi ra, và rây hết các vật lạ khỏi tôi. Ông thấy sự khô khát của tôi. Ông đắp nước cho tôi rồi bỏ tôi vào trong chỗ tối. Trong nơi tối tăm và riêng biệt đó, tôi nẫu ra và trở nên mềm dẻo. Tôi được hòa với nước và một chất dẻo mới được sinh ra, sẵn sàng cho đôi tay tạo hình của người thợ gốm.

Ông đã trở lại, đụng vào tôi và ngắm nghía. Vâng, tôi đã sẵn sàng để được bẻ ra, vắt, dôi, ném (một tiến trình để thanh luyện tôi). Đôi khi tôi chống lại vẻ thô bạo của ông trong tiến trình chế bửa đó. Ông thử uốn nắn và định hình tôi trên một bàn quay trước khi tôi sẵn sàng. Vì những bất toàn bên trong người tôi, ông chỉ sản xuất ra những bình lọ cong, dày, thô tháp, cả những chiếc chậu xấu xí... Tuy nhiên, ông đã giữ lại và trân quý, đơn giản chỉ vì ông đã làm ra tôi.

Mỗi khi người thợ gốm muốn nắn một cái chậu khác, ông cầm lấy tôi, một cục đất sét mới nguyên. Mỗi khi ông bẻ, nghiền tán, vắt, dôi, ném..., tôi cứ để ông thanh tẩy tôi trọn vẹn. Rồi ông nhẹ nhàng nắm lấy tôi trong tay. Ông đặt tôi trong một quả cầu tròn trĩnh. Bây giờ tôi rất muốn được đặt trên bánh quay của ông vì tôi biết rằng chính tại đó ông sẽ đặt bàn tay quanh tôi và tiến trình tập trung tạo hình tuyệt vời sẽ bắt đầu. Tôi quay thật nhanh, nhưng tôi không sợ, vì tôi ở trong đôi tay của ông, chúng sẽ không bao giờ rời tôi.

Tôi ở yên bất động chỉ nghe tiếng bánh xe quay (giống như lời cầu nguyện tập trung và yên lặng). Tôi cảm thấy mình nhẹ nhàng mở rộng, được căng ra và được lôi kéo khi ông kiểm soát chuyển động của tôi. Tôi được nắn theo hình mẫu ở trong tay ông. Ông chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tôi và một cảm giác mãn nguyện, thích thú trỗi lên trong toàn thân ông.

Rồi ông vui vẻ đặt tôi xuống trên một khối cứng. Ông muốn làm tôi nên bất cứ đồ vật gì ông muốn và những lời Thánh Kinh này đến với tôi: "Ta không thể làm cho người như người thợ gốm này đã làm sao?" (Gr 18,6a).

Bây giờ những ngón tay tài hoa của Ngài nhanh chóng tạo hình cho tôi. Tôi kinh nghiệm sự trọn hảo của hình thái mình, hoàn hảo không chút sai sót như chính Người Thợ Gốm. Bây giờ tôi là một tạo vật mới, là công trình của Tay Ngài. Tôi thuộc về Ngài. Tôi không còn là một khối đất sét nữa. Tôi đã được biến đổi thành một cái chậu bằng đất, sẵn sàng để được Ngài sử dụng. Dù là cái chậu, tôi không bao giờ quên kinh nghiệm ấy: "Như miếng đất sét trong tay người thợ gốm, người cũng ở trong tay Ta như vậy" (Gr 18,6b).

2. Những yếu tố căn bản trong việc đào tạo ứng sinh

Thiên Chúa có sáng kiến và cần con người đáp trả. Việc đào tạo bắt rễ từ trong Thánh Kinh, và đặt trọng tâm vào Chúa Kitô. Việc đào tạo là để phục vụ sứ mạng của Giáo Hội và do đó phải thích hợp với các thực tại của thế giới hôm nay.

Việc đào tạo phải được tăng trưởng toàn diện, nhân bản và thiêng liêng, trong niềm hy vọng tràn đầy của Thánh Kinh và trong đối thoại cởi mở về mầu nhiệm.

Vì mỗi cá nhân ứng sinh có lịch sử cá nhân của chính mình, nên công cuộc đào tạo phải là một tiến trình cá biệt trong sự tôn trọng và phát triển tính độc đáo của ơn gọi của họ. Công cuộc đào tạo là một tiến trình lâu dài của phân định, thực hiện và trưởng thành trong lời đáp trả của con người đối với một lối sống Phúc Âm trong một Dòng Tu.

Đời sống thánh hiến bao gồm Ơn gọi, Việc Hiến Thánh, và Sứ Vụ dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần. Đào tạo người tu sĩ trong ánh sáng của một căn tính thần học để được đưa vào trong thế giới như chứng nhân có ý nghĩa, hữu hiệu và trung thành.

Bốn điều phải trung thành: Trung thành với Chúa Kitô và Phúc Âm; Trung thành với Giáo Hội và sứ mệnh của Giáo Hội; Trung thành với đời sống thánh hiến và đặc sủng của Hội Dòng và Trung thành với các thời triệ.

Tác nhân và Môi trường đào tạo: Thánh Thần Chúa; Giáo Hội và Cộng đoàn Dòng; Chính Ứng sinh; Các Nhà Đào Tạo; Môi trường Mục vụ ; theo gương Trinh Nữ Maria.

3. Các giai đoạn đào tạo tu sĩ

a. Giai đoạn Tiền Tập viện

Thời kỳ đi trước và chuẩn bị giai đoạn Tập viện là giai đoạn thử thách (Nhà Thử) nhằm tìm bảo đảm rằng ứng sinh đã đạt tới sự trưởng thành đầy đủ về nhân bản và kitô chứng tỏ có khả năng đảm đương dần dần tất cả những đòi buộc của đời sống thánh hiến.

Thời kỳ này để ứng sinh nghiêm chỉnh bắt đầu khám phá ơn gọi đời sống thánh hiến của mình và thực hiện cuộc điều chỉnh tiệm tiến về mặt thiêng liêng cũng như tâm lý để chuẩn bị một sự cắt đứt cần thiết nào đó với môi trường xã hội của mình ngõ hầu tham gia trọn vẹn tiến trình đào tạo và tự đào tạo.

"Hầu hết những khó khăn gặp phải ngày nay trong việc đào tạo các tập sinh thường do sự kiện khi họ được nhận vào nhà tập thì họ chưa có được sự trưởng thành đòi buộc" (Directives on Formation in Religious Institutes [DFRI] n 42). Do đó không được đòi hỏi một ứng sinh vào đời sống thánh hiến phải có ngay lập tức khả năng đảm trách tất cả mọi bổn phận của đời sống thánh hiến, mà là có khả năng làm việc ấy cách tăng tiến dần dần.

Xác định và đánh giá khả năng này là mục đích của giai đoạn này. Việc này có thể tóm tắt trong bốn động từ sau đây: xác minh, làm sáng tỏ, không trì hoãn, không trì hoãn quá mức (DFRI n 43).

Những điểm lợi ích đặc biệt của việc biện phân cần được thẩm tra nơi các ứng sinh vào đời sống thánh hiến là: Trình độ trưởng thành về nhân bản và kitô; nền văn hóa chung; sự quân bình tình cảm và giới tính, bao hàm việc chấp nhận tha nhân trong sự tôn trọng cái độc đáo duy nhất của mình; và khả năng sống cộng đoàn.

Ba hình thức thực hiện giai đoạn tiền tập viện: Đón tiếp ứng sinh vào một cộng đoàn Dòng; Các thời kỳ giao tiếp với một cá nhân hay cộng đoàn; Cuộc sống chung trong một nhà nơi các ứng sinh được đón nhận (DFRI n 44)

Điều đó nói rõ rằng các thỉnh sinh chưa phải là những thành viên đầy đủ của Dòng. Một sự kết nạp tiệm tiến được bảo đảm. Phải nhớ rằng con người đang được đồng hành thì quan trọng hơn các động lực hay cơ cấu tiếp nhận.

b. Giai đoạn Tập viện

Giai đoạn tập sinh là thời kỳ của việc kết nạp toàn diện; là một thời gian đặc ân để cầu nguyện và chiêm niệm để biện phân ơn gọi đích thực vào đời sống thánh hiến.

Việc trau dồi các giá trị và hòa nhập thực tại kêu gọi-đáp trả qua cầu nguyện, suy nghĩ,

học hỏi, thời gian nhàn rỗi, sự mở ra và phục vụ lẫn nhau với các cộng đoàn địa phương, với những bộ phận khác nhau trong xã hội, nhất là với những kẻ bên lề và bị thua thiệt mất mát.

Mục đích của tập sinh được mô tả bởi GL 646 trong 4 động từ (nhận biết, kinh nghiệm, được đào tạo và được thử thách) (DFRI n 45): Tập sinh phải nhận biết tốt hơn ơn gọi của Chúa, phù hợp với Dòng mình; Tập sinh phải được đào tạo trí óc và con tim theo tinh thần Dòng qua việc đào sâu và sống đặc sủng và linh đạo của Dòng; Tập sinh phải kinh nghiệm lối sống của Dòng; Các động lực của Tập sinh (phương diện chủ quan) và tính thích hợp (phương diện khách quan) phải được thử thách, kiểm chứng.

Việc khai tâm để kết nạp quan trọng hơn nhiều việc dạy dỗ đơn thuần. Nó dần dần dẫn dắt tập sinh đi vào những thành phần khác nhau cấu tạo nên đặc sủng đời sống thánh hiến (DFRI n 46-47): Khai tâm vào một sự hiểu biết sâu xa và sống động về Chúa Kitô và Cha Ngài (qua Thánh Kinh, Phụng vụ, Cầu nguyện cá nhân và Lectio Divina); Khai tâm vào Mẫu nhiệm Phục sinh (các lời khuyên Phúc Âm, sự khổ chế vui tươi, chấp nhận can đảm mẫu nhiệm thập giá); Khai tâm vào đời sống huynh đệ Phúc Âm; Khai tâm vào lịch sử, sứ mệnh đặc biệt, đặc sủng và linh đạo của Dòng (các thời kỳ hoạt động tông đồ ở bên ngoài cộng đoàn)

Mấy điều kiện tập sinh phải thực hiện (n 49-50): Tính mềm dẻo và thận trọng; Bầu khí thanh bình để có thể cắm rễ sâu vào cuộc sống với Chúa Kitô; Sự cắt đứt và tước bỏ chính mình (một điều kiện cần thiết cho những chọn lựa mới có ý nghĩa); Lồng ghép tập sinh vào các cộng đoàn là tuyệt đối không nên. Trong thời gian tập viện, đời sống thiêng liêng trở vượt hơn đời sống tông đồ.

Chị giáo tập (DFRI n 51) là người trách nhiệm chính chăm sóc các tập sinh, nhưng ở dưới quyền của Bề trên thượng cấp. Để chu toàn cách thích hợp sứ vụ đào tạo của mình: Chị giáo tập phải được tự do khỏi mọi bó buộc khác có thể cản trở việc chu toàn trách nhiệm của mình; Các cộng tác viên phải lệ thuộc chị giáo tập, nhưng họ có một vai trò quan trọng trong việc biện phân và quyết định liên quan đến tập sinh; Chị giáo tập là người đồng hành của mỗi người và tất cả các tập sinh: tập sinh là nơi chốn thừa tác vụ của chị. Các giáo tập trong các Dòng giáo sĩ thường không cho các tập sinh xưng tội, trừ khi gặp hoàn cảnh phải thu xếp như vậy.

c. Giai đoạn Học viện

Là thời kỳ đào tạo giữa thời gian tiên khởi và vĩnh khấn. Đào sâu sự cam kết với Chúa Kitô và sứ vụ của Ngài, đồng thời sống cao độ bốn sự trung thành (Trung thành với Chúa Kitô và Phúc Âm; Trung thành với Giáo Hội và sứ mệnh của Giáo Hội; Trung thành với đời sống thánh hiến và đặc sủng của Hội Dòng; Trung thành với các thời triệu). Biện phân cho sự cam kết suốt đời với Chúa Kitô và sứ vụ của Ngài trong tinh thần và đặc sủng của Dòng.

Những gì Giáo Hội truyền dạy (n 58): GL 659 nói rõ ràng: trong mỗi Dòng, việc đào tạo tất cả các thành viên phải được tiếp tục, nhờ đó họ có thể sống đầy đủ hơn cuộc sống thích hợp với Dòng mình và chăm lo sứ vụ của mình cách phù hợp hơn. GL 660 thêm rằng công cuộc đào tạo này phải: Có hệ thống, chứ không theo lối phân mảnh; được thích nghi với khả năng của các thành viên; có tính cách thiêng liêng và tông đồ; vừa giáo thuyết vừa thực hành, với nhiều trình độ khác nhau. Đằng sau những chỉ thị đó là nguyên lý hội nhập và quân bình.

Nội dung và phương tiện đào tạo (n 60 – 61). Mỗi Dòng được yêu cầu cung ứng cho ứng sinh:

- *Một cộng đoàn đào tạo:* Đời sống cộng đoàn mang lại thực tiễn cho ứng sinh; giúp ứng sinh trưởng thành cá nhân, tự trọng và kích thích tinh thần đồng trách nhiệm.
- *Các nhà giáo dục/đào tạo, đồng hành thành thạo.*
- *Chương trình học nghiêm túc*
- *Vị linh hướng (n 63):* Vị linh hướng phải khác biệt với Bề trên: liên quan đến việc chọn vị linh hướng, điều quan trọng là phải giúp ứng sinh cảm thấy được tự do trong lương tâm để chọn một người mà ứng sinh cho là thích hợp hơn. Đàng khác, người làm tác vụ này

phải có ơn đặc biệt và làm cho mình có khả năng để làm việc đó.

Cam kết tông đồ và kinh nghiệm xã hội cũng như Giáo Hội (n. 62): Đi trong đặc sủng của Dòng; để ý các năng khiếu và hoài bão. Tài liệu cung cấp các tiêu chuẩn suy tư một vấn đề đặc biệt. "Cam kết phục vụ Giáo Hội và xã hội là tiêu chuẩn để biện phân." Tài liệu tham chiếu về số 18 nói về đức vâng lời như con đường trực tiếp để thực thi sự thống nhất đời sống trong tương quan với bốn điều phải trung thành (với Chúa Kitô và Phúc Âm, với Giáo Hội và sứ mệnh của Giáo Hội, với đời sống thánh hiến và đặc sủng Dòng, với nhân loại và thời đại chúng ta)

d. Giai đoạn đào tạo tiếp tục (Đào tạo thường xuyên)

Vì các giới hạn nhân loại, con người không bao giờ hoàn toàn đạt tới cuộc sống của "một tạo vật mới" phản ánh được thần trí Chúa Kitô trong mọi hoàn cảnh sống (VC 69). Do đó, tu sĩ cần được đào tạo và tự đào tạo thường xuyên, với nhiều trình độ và tuổi tác khác nhau (tuổi tu và tuổi đời). Đào tạo thường xuyên là một chương trình tổng quát nhằm canh tân mọi chiều kích của cá nhân cũng như của cả nhà Dòng.

Những năm đầu tiên dẫn thân trọn vẹn trong việc tông đồ, đi từ một cuộc sống được trông nom đến một tình trạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc mình làm, từ lúc cần có người đồng hành trong cuộc sống đến lúc triển nở đầy đủ về tình yêu và lòng nhiệt huyết cho Chúa Kitô.

Tuổi trung niên là thời gian tìm kiếm những gì là căn bản: Sự nổi bật của con người thật và thách đố để hòa nhập mọi cực của cuộc sống. Thời kỳ cho sự cô đơn sáng tạo và sinh hoa kết trái thiêng liêng. Hành trình hướng nội để sống mẫu nhiệm Phục sinh. Tuy nhiên, tu sĩ trong độ tuổi này cũng có thể liều mình vấp phải thói quen. Cần có sự thúc đẩy và các động lực tươi mới, sự hiểu biết và chấp nhận mùa vọng của tiến trình tuổi già.

Vị tu sĩ tiến dần đến giai đoạn cuối đời, tuổi của trưởng thành và trọn vẹn. Người thánh hiến nhận diện được hơn bao giờ cả những gì là thật, căn bản và không thể bị phá hủy trong đời sống. Đây là giai đoạn vị tha, biết ơn, khôn ngoan và bình an, hướng tới sự hòa nhập tích cực của sự sống và sự chết nhằm đến đời sống sung mãn và hiệp thông với Chúa. Tuy nhiên cũng không thiếu người cảm thấy những hụt hẫng, nặng lòng vì bất lực, trở nên vô dụng hay bị bỏ quên... cần được nâng đỡ, chăm sóc giúp nhớ lại và sống tình yêu hằng say của buổi ban đầu "một lần đã quảng đại thì cố quảng đại cho đến cùng."

Các lý do của thường huấn: Người có sáng kiến là Thiên Chúa, Đấng kêu gọi trong thời gian và những hoàn cảnh mới. Cần phải đi theo Chúa Kitô, luôn đặt mình lên đường. Đặc sủng là một quà tặng phải được đón nhận trong những điều kiện mới mẻ.

Việc thường huấn đòi hỏi: Trí thông minh để đọc được các hoàn cảnh, những dấu chỉ thời đại và những dấu chỉ của Chúa Thánh Thần; Ý chí dẫn thân trong Giáo Hội; Tính táo bạo trong sáng kiến; Tính kiên trì trong cam kết; Lòng khiêm tốn để chấp nhận và vượt qua mâu thuẫn; Chúc năng biểu tượng cánh chung phù hợp với đời sống thánh hiến; Thách đố do tương lai đặt ra cho đức tin công giáo, kể cả tương lai của các Dòng Tu.

Ngoài ra cũng có dữ liệu tâm lý về nhu cầu đào tạo trong các hoạt động chuyên nghiệp. Đào tạo khởi đầu có mục tiêu chính là giúp ứng sinh đạt được đủ tự lập để sống những cam kết trong sự tín trung. Đào tạo thường xuyên có mục tiêu giúp các ứng sinh hội nhập với lòng trung thành. Đòi hỏi đào tạo thiêng liêng với đời sống nội tâm được thống nhất luôn luôn phải được đặt lên địa vị ưu tiên. Đào tạo thường xuyên phải đề cập tới các vấn đề thiêng liêng, tham dự vào đời sống Giáo Hội như những tác nhân canh tân giáo thuyết và nghiệp vụ, cũng như hiện tại hóa đặc sủng của Hội Dòng.

e. Tính Quyết định của Tự Đào Tạo

Việc đào tạo sẽ mất đi hiệu quả của nó, nếu nó không bao hàm sự tham gia cá nhân của ứng sinh, nghĩa là sự tự đào tạo của chị. Chính vì thế, Đức Gioan Phaolo II đã nhắc nhở rằng chính ứng sinh là nhân tố cần thiết và không thể thay thế được trong việc đào tạo của chính mình: "*Tự đào tạo là tối quan trọng trong tất cả mọi công cuộc đào tạo, kể cả đào tạo linh mục. Không ai có thể thay thế chúng ta trong sự tự do có trách nhiệm mà chúng ta có được như là những nhân vị độc đáo*" (John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* 69)

Vâng, tự đào tạo là yếu tố quyết định đưa tới thành công trong việc đào tạo thiêng liêng. Mặc dù Chúa Thánh Thần là tác nhân tuyệt hảo trong việc đào tạo này, ứng sinh phải hoàn toàn tự do đón nhận tác động định hình Ngài. Cũng thế, hoạt động của các nhà đào tạo khác nhau sẽ chỉ *"trở nên thực sự và đầy đủ hiệu quả, nếu ứng sinh cố gắng hiến sự cộng tác chân thành và xác tín của chính chị vào công cuộc đào tạo này."*

Quan niệm Á Châu "không thầy đố mày làm nên" ngày nay đã được thay đổi: nếu không có sự thực hành của trò thì những giáo điều và lý thuyết của thầy chỉ là những lời hoa mỹ thôi. Điều rất quan trọng là việc đào tạo phải cung cấp cho ứng sinh cách suy nghĩ mới, cách sống mới, cách hành động mới, cách yêu thương mới và cách làm chứng mới cho Tin Mừng. Nhưng điều còn quan trọng hơn nữa là việc tự đào tạo này phải đem sự hiểu biết hữu ích đó ra thực hiện.

Sự cộng tác chặt chẽ giữa hai phía, đào tạo và tự đào tạo, là điều kiện tiên quyết cho mọi thành công, và dĩ nhiên với ơn Chúa nữa. Vì thế, Pastores Dabo Vobis đòi hỏi: *"Các ứng sinh... phải hết sức ý thức chuẩn bị chính mình để đón nhận ơn Chúa và đem ra thực hành, biết rằng Giáo Hội và thế giới đang rất cần đến họ"* (John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* 82)

Mời xem Slideshow **BÀI HỌC QUÉT LÁ**

<http://www.conggiaovietnam.net/index.php?m=home&v=detail&ia=5975>

VỀ MỤC LỤC

NƯỚC NGỌT CÓ GAS

Trong các loại nước uống, nước có gas đang được dân chúng ưa thích, nhất là các bậc nhi đồng, thanh thiếu niên. Lý do là nước có vị ngọt ngào, hơi đặng đặng có tính cách kích thích, lại óng ánh màu mè, sủi tăm vui mắt. Sau khi ăn vài miếng khoai chiên mặn muối, nửa cái ham bơ gơ ngậy mỡ, mà chiêu vào nửa cốc coca mát lạnh nước đá cục là thấy tỉnh hẳn con người. Và liên tục uống mãi dài dài...đến nổi mà hàng năm, trên thế giới có cả nhiều trăm tỷ lít nước có gas được tiêu thụ.

Sự ưa thích này một phần bắt nguồn từ tin tưởng xưa kia là tắm suối nước khoáng thiên nhiên có thể chữa được bệnh tật. Từ chuyện tắm rửa bằng nước khoáng, người ta chuyển sang việc uống nước khoáng, cho khỏe mạnh tắm thân. Rồi kỹ nghệ sản xuất nước có hơi được thành hình để đáp ứng nhu cầu dân chúng sống xa nguồn nước suối.

Ban đầu, người ta chỉ mới sản xuất các loại nước không có rượu, gọi là soft drink, để đối đầu với hard liquor, rượu mạnh. Nước làm với trái cây, hoa lá ép nhỏ, thêm chút mật ong, gia vị thiên nhiên và không có gas.

Phải đợi tới thập niên 1770, một khoa học gia người Anh là Joseph Priestly mới tìm cách thêm khí carbon dioxid vào nước tinh khiết, để làm cho nước uống có bọt, sủi tăm. Thế là từ đó nước có gas xuất hiện và hiện nay, trên thế giới có cả nhiều trăm loại nước có gas khác nhau để phục vụ giới tiêu thụ. Hai công ty lớn nhất hiện nay tại Hoa Kỳ là Coca-Cola và Pepsi-Cola đều do hai vị dược sĩ ở hai tiểu bang khác nhau lần lượt thành lập với bí quyết gia vị hóa học riêng.

Nói chung, công thức của nước ngọt có gas gồm có: nước sạch, đường (table sugar) hoặc đường fructose lấy từ mật bắp để thay thế cho đường tinh chế; caffeine; đường hóa học aspartame; khí carbonat dioxid; các acid phosphoric, citric, hương gia vị; đường caramel; vitamin C, nước triết của hạt cola và lá coca cộng thêm một gia vị bí mật của mỗi loại nước uống.

Dù được phổ biến, nhưng nước uống có gas cũng có nhiều điều cần được lưu ý khi dùng. Các nhà nghiên cứu, giới tiêu thụ và chuyên viên chăm sóc sức khỏe đã nêu ra một số điểm "không ổn" do các thành phần của nước ngọt có gas có thể gây ra.

1- Đường:

Từ nguyên thủy, đường sucrose được dùng như chất làm ngọt cho nước có gas. Sucrose có tự nhiên trong trái cây, mía, củ cải đường.

Ngày nay, sucrose được thay thế bằng đường fructose từ mật ngô, ngọt hơn nên ít tốn kém. Đường hóa học aspartame ít năng lượng cũng được dùng khá nhiều trong nước uống của người tiết chế ẩm thực (diet).

Đường không có sinh tố, khoáng chất hoặc chất đạm mà chỉ cho nhiều calories. Tiêu thụ nhiều chất ngọt mà không ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng, có thể là rủi ro đưa tới hư răng, suy dinh dưỡng, rối loạn chuyển hóa, bệnh tim bệnh mập phì, đặc biệt là ở trẻ em.. Trong 30 năm vừa qua, số người lớn bị mập ở Hoa Kỳ tăng gấp đôi mà trẻ em lại tăng gấp ba.

Từ năm 1942, Ủy ban Dinh dưỡng của Hội Y Học Hoa Kỳ (AMA) đã đưa ra lời báo động như sau: " Về phương diện sức khỏe, nên giới hạn việc dùng các loại đường này trong nước uống và kẹo bánh vì có rất ít giá trị dinh dưỡng".

Năm 1998, Trung Tâm Khoa Học Vì Ích Lợi Chung (Center for Sciences in the Public Interest -CSPI), lên tiếng trách cứ các nhà sản xuất nước uống đã gia tăng quảng cáo có tính cách trục lợi các sản phẩm, đặc biệt nhằm vào thiếu niên, trẻ em. Trung tâm gọi soft drink của họ là Kẹo Nước Liquid Candy .CSPI là tổ chức luôn luôn vận động chính quyền giới hạn các thực phẩm có hại cho sức khỏe.

Kết quả nghiên cứu của Đại học Harvard và Bệnh Viện Nhi Boston năm 2001 cho hay tiêu thụ quá nhiều nước ngọt sẽ khiến cho trẻ em không ăn bữa chính, không uống sữa và đưa tới mất cân bằng năng lượng, mập phì. Theo nghiên cứu, dùng thêm một lon nước ngọt thì rủi ro mập của trẻ em tăng 60%.

Tạp san y học British Medical Journal số 31 January 2008 có công bố kết quả nghiên cứu của giáo sư Hyon K Choi, thuộc Trung Tâm Nghiên Cứu Viêm Xương như sau: "Tiêu thụ nhiều soft drink có chất ngọt và đường fructose tăng nguy cơ bệnh thống phong ở nam giới tại Bắc Mỹ.

Hơn nữa, nhiều đường fructose trong trái cây và nước trái cây cũng tăng rủi ro này. Uống nước ngọt không có đường fructose không liên hệ gì tới rủi ro bệnh gout". Kết quả này chưa được mọi người đồng ý và cần xác định thêm.

Luật lệ hiện hành bắt buộc các nhà sản xuất phải ghi rõ nước uống có đường hoặc chất ngọt trên bao bì, để người tiêu thụ dễ dàng lựa chọn.

2- Acit phosphoric và các khoáng phosphate

Acit phosphoric, acetic, fumaric, gluconic được dùng trong một số nước uống có gas vừa có tác dụng bảo quản cũng như để tạo ra cảm giác, hương vị đặc biệt khi uống. Tương tự như hương vị " umami" của bột ngọt.

Acit này khá mạnh, cho nên khi uống vào sẽ gây ra cồn cào, tổn thương niêm mạc dạ dày. Ta thấy các bác thợ máy xe hơi đổ một chút nước uống coca-cola để rửa cốc bình điện thì thấy acid này mạnh như thế nào.

Ngoài ra, có nghiên cứu cho hay, acit phosphoric có thể làm mòn men răng. Lý do là nước miếng có độ kiềm với pH 7.4. Khi nhâm nhi nước có gas luôn miệng, nước miếng trở thành acit. Để phục hồi độ kiềm, cơ thể sẽ rút calci từ men răng, do đó răng dễ trở nên sứt mẻ, hư hao.

Bác sĩ Clive McKay, Naval Research Institute, đã thử nghiệm ngâm một chiếc răng người vào nước uống cola. Hai ngày sau, răng trở nên mềm và tiêu mòn. Theo ông, đó là do tác dụng của acid phosphoric.

Hai tác giả Michael Murray và Joseph Pizzorno có ghi lại trong The Encyclopedia of Natural Medicine là tăng tiêu thụ soft drink là yếu tố quan trọng đưa tới loãng xương. Họ giải thích là nước ngọt đưa tới tình trạng giảm calci và tăng phosphor trong máu, do đó calci sẽ bị rút ra từ xương để tái tạo tỷ lệ bình thường của hai khoáng này.

Sau nghiên cứu, các khoa học gia G.R Fernando , R.M Martha thuộc Mexican Society Security Institute, kết luận: "Uống soft drink có acit phosphoric nên được coi như một rủi ro độc lập đưa tới thiếu calci trong máu ở phụ nữ trong thời kỳ mãn kinh".

Đi xa hơn, bác sĩ Barnet Meltzer, tác giả sách Food Swing, có ý kiến: "Vì có lượng phosphor và acit phosphoric cao, soft drink thấm vào chất lỏng cơ thể, sỏi mòn dạ dày, đảo ngược sự cân bằng acit/ kiềm của hai trái thận và từ từ ăn mòn lá gan của người tiêu thụ".

Ngoài ra, acit này cũng vô hiệu hóa acit hydrochloric trong dạ dày, đưa tới đầy hơi và khó tiêu hóa.

3- Caffein

Hầu như soft drink nào cũng có một lượng caffein để tạo hương vị thơm thơm, kích thích và cảm giác thiếu một cái gì, nếu không dùng, vì caffein cũng hơi gây nghiện. Một lon 12-ounce coca có từ 35-38mg, lon Pepsi có 56mg caffein trong khi đó Sprite, 7-up không có.

Caffein là chất có tự nhiên trong nhiều thực vật khác nhau như cà phê, lá trà, hạt cola.

Caffein có tác dụng hưng phấn lên hệ thần kinh trung ương và tùy theo số lượng, có thể gây ra mất ngủ, bồn chồn, hoảng hốt, lo sợ, rối loạn nhịp tim, đi tiểu nhiều, tăng thải calcium qua nước tiểu, tăng nguy cơ loãng xương.

Theo Trung Tâm Khoa Học vì Ích Lợi Chung, caffein tăng rủi ro sảy thai và ức chế sự tăng trưởng của thai nhi. Do đó phụ nữ đang mang thai hoặc dự định có con nên tránh tiêu thụ. Caffein cũng có thể tạo khó khăn hơn cho sự thụ thai.

Ghiền mà thiếu caffeine sẽ bị nhức đầu, mệt mỏi, hơi buồn chán, đau nhức cơ bắp, buồn nôn, huyết áp hơi lên cao.

Mỗi ngày uống một/ hai ly cà phê thì không sao, nhưng nếu uống nhiều hơn thì rủi ro loãng xương gia tăng.

Nên lưu ý là trong các loại nước gọi là "tăng cường sinh lực"- *energy drinks*, số lượng caffein rất cao.

4- Cola

Trong kỹ nghệ nước uống, cola có vai trò quan trọng. Ban đầu, cola là hỗn hợp chất triết của lá coca và hạt cola hòa với đường. Ngày nay chỉ hạt cola còn được dùng (và vẫn là bí mật của nước Coca-Cola). Hoạt chất chính của hạt cola là caffeine và theobromine, có tác dụng kích thích sản xuất dịch vị dạ dày, giúp tiêu hóa dễ dàng.

5- Sodium benzoate

Từ hơn thế kỷ nay, sodium benzoate đã được dùng như chất bảo quản, tiêu diệt vi khuẩn, mốc meo, nấm có hại trong nước uống, thịt nguội.

Muối này cũng có tự nhiên trong một số thực động vật và tương đối an toàn ngoại trừ một số người mẫn cảm có thể nổi mề đay, lên cơn hen suyễn hoặc thay đổi hành vi ở trẻ em có hội chứng quá năng động, kém chú ý.

Tuy nhiên một số nhà nghiên cứu đã quan tâm tới sự việc là, dưới tác dụng của acit ascorbic (vitamin C) trong nước uống có gas, sodium benzoate cho benzene, một chất đã được coi như có khả năng gây ung thư máu và vài ung thư khác. May mắn là lượng benzene trong nước uống ở mức độ chấp nhận được, theo Cơ quan FDA Hoa Kỳ.

Tổ chức bảo vệ người tiêu thụ Consumers Union đưa ra đề nghị là mặc dù benzene trong soft drink ở mức độ không nguy hại nhưng vẫn là chất có thể gây ung thư. Cho nên, giới tiêu thụ nên lưu ý tới nhãn hiệu trên bình nước. Nếu nhãn ghi có muối benzoate và vitamin C thì không nên mua. Nếu đã chót mua, thì nên cất ở nơi mát, không có ánh nắng mặt trời để giảm thiểu sự thành hình của benzene.

Ngoài ra, một mối ưu tư nữa của các nhà nghiên cứu về nước uống có gas là sự gia tăng rủi ro Hội Chứng Chuyển Hóa ở người tiêu thụ quá nhiều, mà thủ phạm là chất ngọt.

Hội chứng này là tập hợp các nguy cơ gây ra bệnh tim mạch và tiểu đường, gồm có vòng lưng quá to, huyết áp cao, tăng triglycerides, giảm cholesterol HDL và đường huyết khi đói lên cao.

Kết quả nghiên cứu tại Đại học Y Harvard phổ biến trong tạp san của Hội Tim Hoa Kỳ

ngày 31 tháng 7 năm 2007 cho hay: so sánh với người uống 1 lon soft drink mỗi ngày thì người uống trên một lon sẽ:

- tăng rủi ro mập phì lên 31%;
- tăng rủi ro to vòng bụng tới 30%;
- tăng rủi ro cao triglycerides và đường huyết khi đói tới 25%;
- tăng rủi ro có lượng HDL thấp tới 32%

Giáo sư bác sỹ Ravi Dhingra, người đứng đầu cuộc nghiên cứu này đưa ra lời nhắn nhủ: "Điều độ, vừa phải trong mọi lãnh vực là chìa khóa của sự sống".

Trong đó có việc uống soft drink có gas, nhiều chất ngọt.

Vì, theo Michael Jacobson, Giám đốc CSPI, loại nước này là một *thực phẩm tạp nham toàn hảo* (quintessential junk food), chỉ có calories mà không có chất dinh dưỡng. Ông ta ví nó như trái bom chậm nổ trong chế độ ăn uống. Cơ quan này đang vận động đòi các nhà sản xuất ghi lời cảnh báo "Mập Phì" trên chai nước ngọt có gas, tương tự như trên bao thuốc lá với hàng chữ rủi ro "Ung Thư Phổi" cho người ghiền hút những điều thuốc tỏa ra "khói huyền bay lên cây (a)", thuốc lá.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức Texas- Hoa Kỳ. www.nguyenyduc.com

(a) thơ Hồ Dzếnh.

VỀ MỤC LỤC

NHỚ AI...? (2) *Chuyện phiếm của Gã Siêu*

Trước khi tiếp nối phần thứ hai, bàn về những cái hại và những cái lợi của thuốc Lào, gã xin kể lại một thói quen dễ thương tại một giáo xứ kia, như một món ăn khai vị.

Tại một giáo xứ vùng sâu vùng xa, cha sở và anh em ban mục vụ sống với nhau rất có tình có nghĩa. Và tình nghĩa ấy được biểu lộ ít ra bằng cách cứ mỗi buổi sáng, sau khi tham dự thánh lễ, một số anh em khoảng mười mấy người lại kéo nhau vô nhà xứ, vừa uống cà phê, vừa hút thuốc Lào, lại vừa chơi "domino".

Bình thường thì có tất cả năm ván "domino" để phân chia công tác. Ai thua ván nào thì phải làm công tác của ván ấy. Ván thứ nhất là rửa ly. Ván thứ hai là dâng thuốc. Ván thứ ba là quét nhà. Ván thứ tư là dâng trà. Ván thứ năm là lau bàn và cất ghế. Ván thứ sáu là chào từng người trước khi ra về. Riêng ngày thứ hai và thứ sáu thì thêm một ván nữa đó là đánh domino.

Hễ ai thua ván dâng thuốc thì phải làm những việc như sau : thông điều, thổi khói ra, về thuốc, dâng xe mới thuốc và đốt đóm. Khi người hút nhấp nhấp ba cái thì phải ấn thuốc xuống cho chặt hơn. Và khi người hút bắt đầu rít một hơi dài, thì phải bụm tay vào nõ điều cho tiếng kêu được ròn rã.

Khi dâng xe cho người ta hút lại còn phải nói :

- Anh giỏi, tôi đốt, xin đốt thuốc mời anh...xơi cho.

Chính nhờ những giây phút thư giãn này, mà cha sở năm vững được tình hình trong giáo xứ cùng với những sự việc xảy ra cho người nọ người kia.

Bây giờ gã xin bàn tới những cái hại của thuốc Lào.

Trước hết là hại cho sức khỏe.

Như gã đã trình bày, trong thuốc Lào cũng như thuốc lá có chứa chất nicôtin, là một chất rất độc hại cho các hạch giao cảm thần kinh. Vì thế, về lâu về dài chắc chắn thuốc Lào cũng

như thuốc lá đều không tốt đối với sức khỏe.

Bởi đó, Liên Hiệp Quốc cũng như nhiều nước trên thế giới đã phát động những chiến dịch bài trừ thuốc lá, bằng cách bắt in trên những bao thuốc dòng chữ :

- Có hại cho sức khỏe.

Có những nước đã cấm hút thuốc tại những nơi công cộng, có những nước đã tổ chức những ngày không khói thuốc...

Tiếp đến, một cái hại khác nữa là mùi hôi của thuốc.

Trong "Việt Nam Phong Tục", Phan Kế Bính đã viết như sau :

Tục ăn trầu và hút thuốc Lào của ta ví cũng như người tây hút thuốc lá, người khách nhả hạt dưa, là một cách giải buồn cho cái miệng.

Song hút thuốc lá còn thơm, nhả hạt dưa còn bùi, ăn miếng trầu còn khỏi chua miệng, chứ hút thuốc Lào thì vừa hôi vừa đắng, vừa sinh ho hen chẳng có ích gì, chỉ vì quen mồm mà không bỏ được.

Gã biết : có một cặp vợ chồng trẻ. Người chồng thì nghiện thuốc Lào, còn người vợ thì lại không chịu nổi mùi hôi của thuốc. Và thế là chị vợ bèn áp dụng "chính sách cấm vận". Bao lâu anh chồng còn hút thuốc Lào, thì chị vợ nhất định không cho anh chồng động chạm tới mình, chứ chưa nói chi tới chuyện hôn hít hay gạ gẫm...

Kết quả thật tuyệt vời, chỉ trong một thời gian ngắn, anh chồng đã bỏ được tật ghiền thuốc Lào để có những quan hệ bình thường với chị vợ trong cuộc sống lứa đôi.

Thế nhưng đồng tiền bao giờ cũng có hai mặt : mặt phải và mặt trái. Thì hút thuốc Lào cũng vậy, có những cái hại thì cũng có những cái lợi. Vậy những cái lợi ấy như thế nào ?

Thứ nhất là về phương diện thần học, mục vụ và nhất là Giáo hội.

Là con nhà có đạo, mà lại đạo gốc và đạo dòng nữa, nên gã dành ưu tiên có cái lợi thứ nhất này.

Nghe tới những danh từ đao to búa lớn kể trên, hẳn nhiều người cho gã là kẻ báng bổ và đã vội vã kêu lên :

- Giêsu Ma, lạy Chúa tôi.

Nhưng gã xin cả tiếng lại dài hơi, thanh minh thanh nga và xác quyết đó là sự thật, dựa trên kinh nghiệm của một cha sở hẳn hoi.

Cha sở ấy đã kể lại câu chuyện thuốc Lào của đời mình như thế này :

"Có một..."bí mật" tôi đã thề với đầu gối tôi rằng : sống để bụng, chết mang theo. Nhưng vì có nhiều người cứ đến và đặt vấn đề với tôi :

- Tại sao cha không hút thuốc lá, mà lại cứ kéo thuốc Lào ?

- Tại sao cha không bỏ quách đi cho rồi ?

Thành thử tôi phải "bật mí" cái bí mật ấy cho họ. Đó chính là cái "bí mật thuốc Lào".

Từ lúc cha sinh mẹ đẻ cho tới lúc làm linh mục và suốt quãng đời làm cha phó, nghĩa là từ năm 1947 cho tới năm 1979, tôi chẳng bao giờ hút thuốc, kể cả thuốc lá cũng không.

Thế rồi vào năm 1979, Đức Giám Mục sai tôi đi làm cha sở tại một giáo xứ thuộc vùng khi ho cò gáy. Vì nghĩ rằng đối với các cụ, các ông và các bác ở nông thôn, thì :

- Điều thuốc Lào đi vào câu chuyện, hay điều thuốc Lào khai mào gặp gỡ.

Giống như ngày xưa, "miếng trầu là đầu câu chuyện" vậy. Vì thế, tôi đành phải gấp rút

tập hút thuốc lào cho kịp tới ngày đi nhận nhiệm sở mới.

Lúc ban đầu, kéo vào thì ho sặc ho sụa, ho đến độ rát cả cổ và vãi cả nước miếng, thậm chí đôi lúc nước mắt nước mũi cứ chảy xuống đầy mặt rùng rùng, chứ nào có khoan khoái hay sung sướng chi đâu. Nhưng rồi cũng quen dần.

Như vậy tôi hút thuốc lào là vì Chúa và vì các linh hồn, chứ nào có phải vì đam mê chạy theo...dục vọng đâu.

Một cha giáo đáng kính của tôi ghiền thuốc lá. Mọi người đều lên tiếng can ngăn, thì ngài đã trả lời như sau :

- Lạy Chúa, vợ con thì tôi không có, rượu chè cờ bạc thì tôi cũng không, chỉ còn mỗi điều thuốc để giải trí và xả bớt nỗi buồn phiền và cô đơn, chẳng lẽ Chúa nỡ lòng nào bắt tôi cũng phải bỏ nốt sao ?

Lập luận của cha sở kể trên, gã nghĩ rằng mỗi người tự phê bình và đánh giá. Còn gã, thì chỉ xin ghi nhớ và suy niệm trong lòng mà thôi.

Thứ hai là về phương diện triết học

Lâu lắm rồi gã có được một tác phẩm của Kim Định. Gã còn nhớ mang máng rằng thì là trong tác phẩm này, có một đoạn tác giả đã xem xét điều thuốc lào dưới cái nhìn của triết đông.

Thực vậy, theo quan niệm Đông Phương, thì vũ trụ vật chất này được tạo thành bởi năm yếu tố chính, được gọi là ngũ hành, bao gồm kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.

Năm yếu tố chính này đều có mặt nơi điều thuốc lào.

Này nhé :

- Nõ điều thường được làm bằng sắt hay bằng đồng, đó là kim.
- Xe điều thường được làm bằng ống trúc, đó là mộc.
- Nước được đựng trong bát điều, đó là thủy.
- Khi hút phải dùng đóm cháy mà đốt thuốc, đó là hỏa.
- Bát điều thường được làm bằng sành hay sứ, đó là thổ.

Và như vậy, tất cả cái tinh hoa của nền triết học Đông Phương, một phần nào đó đã thu gọn trong điều thuốc lào.

Ngoài ra Kim Định cũng chứng minh điều thuốc lào phản ánh phần nào bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Điều này thì gã đã nói tới nơi phần một, nên bây giờ sẽ không bàn tới nữa.

Thứ ba là về phương diện y học.

Chẳng biết dựa vào đâu mà các cụ ta ngày xưa đã xác quyết :

- Thuốc lào bổ phổi diệt trùng lao.

Theo gã nghĩ chắc là các cụ ta đã dựa vào kinh nghiệm đời thường. Thực vậy, mỗi khi đan được một cái rổ, hay một cái thúng, để cho không bị mọt, người ta thường phải để lên gác bếp một thời gian. Có thể khói bếp làm cho những nan tre trở nên đắng và mọt không dám đục tới chăng ?

Với thuốc lào cũng vậy, hai lá phổi được ướp trong làn khói, khiến cho vi trùng Kock không còn dám bén mảng đến, thành thử thuốc lào bổ phổi diệt trùng lao là vậy.

Gã vừa mới điện thoại hỏi thăm sức khỏe một ông cậu. Ông cậu này chẳng rượu chè

cũng chẳng trai gái bồ bịch, chỉ mỗi cái tội là hút thuốc Lào từ một thuở rất xa xưa.

Và ông cậu này đã cho biết :

- Bất cứ lần nào đi khám tổng quát, mình đều chụp X quang, Những tấm hình này cho thấy hai lá phổi luôn ở trong tình trạng tốt. Như vậy, thuốc Lào đâu có phải là nguyên nhân gây nên ho hen và...lao phổi đâu.

Rất nhiều lần gã đã hỏi mấy cha già, chuyên viên...bản thuốc Lào, thế mà hiện nay với lứa tuổi gần đất xa trời, có vị đã trên bảy mươi, thậm chí có vị trên cả tám mươi, mà da mặt vẫn tươi hồng, sức khỏe vẫn còn dẻo dai và trí nhớ vẫn còn minh mẫn.

Các vị ấy đều xác quyết :

- Tôi hút thuốc Lào từ khi mười tám đôi mươi, mà có sao đâu, chú mày cứ yên chí mà hút. Nếu có chết thì chết bởi một nguyên do nào khác, chứ chắc chắn không phải là do thuốc Lào.

Ngoài ra kinh nghiệm bản thân còn cho gã thấy thuốc Lào chính là cái thước để đo tình trạng sức khỏe của mình. Hôm nào thức dậy, bắn một điều mà kéo chẳng vô, rồi ho sặc ho sụa, thì đó là dấu chỉ sức khỏe không được ổn, liệu mà lo uống mấy viên cảm cúm đi là vừa.

Thứ tư là về phương diện cá nhân.

Các cụ ta thường bảo :

- Hút thuốc Lào nâng cao sĩ diện.

Có lẽ kinh nghiệm này phải được đặt vào trong cái bối cảnh ngày xưa của nó, như Phan Kế Bính đã diễn tả :

Người sang trọng đi đâu, tất có một thằng đầy tớ xách điếu đi hầu. Khi hút thuốc, điếu để cách xa ba bốn thước, rồi thằng đầy tớ nhồi thuốc, châm lửa và đưa xe kê đến tận miệng mà hút.

Chính vì chi tiết kể trên của người xưa, mà gã hiểu được tại sao lại dùng hai chữ "điếu đóm" để chỉ những tên đầy tớ, những tên gia nô, luôn hầu hạ và cung phụng, cũng như không ngần ngại uốn ba tấc lưỡi mà nâng bì, ca tụng những ông chủ của mình.

Đồng thời, nếu hút thuốc Lào theo phong cách trên, thì gã cũng hiểu được tại sao "hút thuốc Lào lại nâng cao sĩ diện" ? Tuy nhiên cái "sĩ diện" ở đây hơi bĩ rơm và dỏm một chút, như Phan Kế Bính cũng đã diễn tả :

Lại nực cười thay cho mấy ông làm bộ sang trọng, động đi đến đâu thì có một một thằng đầy tớ ôm tráp xách điếu đi lạch bạch đằng sau, làm cho thiên hạ phải ngại mắt mà trông vào mình, thời buổi này mà coi thấy nghi vệ cổ thì cũng lấy làm lạ.

Sau cùng là xét về phương diện văn học.

Trước hết, thuốc Lào gợi hứng cho người ta viết. Đây cũng là điều Phan Kế Bính đã ghi lại :

Các văn sĩ lắm người nghĩ ngợi phải có hút thuốc mới nảy được ý tứ. Cho nên học trò vào trường thi phải đem kèm ống điếu vào trường.

Mặc dù không phải là văn sĩ, hay thi sĩ nhưng gã cũng cảm nghiệm được rằng : mỗi khi ngồi viết mà bị...tắc tị, thì cứ việc vứt bỏ giấy bút ở trên bàn, mà đi làm một ngao thuốc Lào cái đã. Sau đó sẽ thấy đầu óc sáng sủa, và tư tưởng cứ tuôn trào ra lai láng !!!

Cũng vậy, sau khi đã miệt mài làm việc chừng hơn một tiếng đồng hồ, thế nào gã cũng phải giải lao bằng cách bắn một điều thuốc Lào. Sau đó đôi mắt cứ lim dim nhìn theo làn khói tỏa mà bỗng thấy hạnh phúc đang nằm trong lòng bàn tay của mình và gã đã nhủ thầm :

- Ôi đời mới đẹp làm sao.

Thuốc Lào gợi hứng cho thiên hạ sáng tác và như thế cũng đã góp phần, ít nữa là một cách gián tiếp, vào nền văn học. Biết đâu chính nhờ đó, mà chúng ta ngày nay mới có được những tác phẩm bất hủ, những vần thơ tuyệt vời của tác giả này hay tác giả kia.

Tiếp đến, trong kho tàng văn chương bình dân, cũng có một số câu tục ngữ ca dao nói đến thuốc Lào.

Chẳng hạn như khi bàn về lợi ích của thuốc Lào, thì như chúng ta đã biết, các cụ ta ngày xưa đã bảo :

- Hút thuốc Lào, nâng cao sĩ diện.
- Thuốc Lào bổ phổi diệt trùng lao.

Đang ngáp vặt mà vớ được một điếu thuốc say quả thật là trên cả tuyệt vời :

- Nhất gái một con,
Nhì thuốc ngon nửa điếu.

Kéo được một điếu thuốc say, thì cả trời và đất cũng như muôn ngàn tinh tú đều quay cuồng trong một vũ khúc, còn hơn cả "Nghê Thường vũ y khúc" của Đường Minh Hoàng ngày xưa :

- Âm dương tức khí sôi sùng sục.
Thủy hỏa tương giao sướng làm sao.

Vũ là lông chim, còn y là áo. Vũ y là áo bằng lông chim mà các tiên nữ vốn thường mặc. Điển xưa tích cũ kể lại rằng :

Vào một đêm trung thu, Đường Minh Hoàng cùng đạo sĩ La Công Viễn lên chơi trên mặt trăng. Hằng Nga đem đoàn con hát ra múa. Tất cả đều mặc toàn lông chim ngũ sắc như màu mống trên trời, rất rực rỡ và đẹp đẽ, được gọi là nghê thường (nghê là mống, thường là xiêm). Vì thế, tên vũ khúc thần tiên ấy được gọi là "Nghê thường vũ y khúc".

Cũng trong tiết mục thần tiên này, gã đã được đọc một câu ca dao bàn về sự tuyệt vời của thuốc Lào như sau :

- Đèo cao cao vút chọc trời,
Trèo lên tới đỉnh ta ngồi giải lao.
Thành thơ hút điếu thuốc Lào,
Tung làn khói trắng quyện vào áng mây.
Cô Tiên nghe tiếng điếu cày,
Hỏi : người trần thế lên đây làm gì ?
Đáp rằng sơn thủy ta đi,
Đèo cao núi thẳm riêng gì của tiên.

Thuốc Lào tuyệt vời như vậy, ai dại gì mà chừa. Hơn thế nữa, có chừa thì cũng...chẳng phải là chuyện dễ :

- Nhớ ai như nhớ thuốc Lào,
Đã chôn điếu xuống, lại đào điếu lên.

Cách đây khá lâu, một ông bạn già tới thăm gã. Thấy gã kéo thuốc Lào kêu ro ro. Hơn thế nữa ông bạn ấy lại được mời một điếu thuốc say Xóm Mới, vốn được dành cho khách quý, ông ta bèn cao hứng đọc cho gã nghe mấy bài thơ được truyền tụng trong dân gian ca tụng

thuốc Lào. Gã đã cẩn thận mang giấy bút ra ghi. Nhưng rất tiếc bây giờ muốn sử dụng, thì lại không biết đã cất ở đâu.

Vậy những ai có được những bài thơ hay những câu ca dao bản về thuốc Lào, xin gửi cho tòa soạn để gã hoàn chỉnh tiết mục "sự đóng góp của thuốc Lào vào nền văn học dân tộc".

Gã xin chân thành cảm ơn và hứa sẽ...hậu tạ.

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thẳng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc "Trợ lực Giáo sĩ" bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những "Linh mục" không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quy vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Duoc chon giua loai nguoi va cho loai nguoi; C
